

Chương 3: Con đường tơ lụa và Huyền Trang đi lấy kinh

Nội dung chính:

Con đường tơ lụa

Từ thời Hán đã có con đường tơ lụa nối từ Đông sang Tây, Phật giáo cũng nhờ con đường này mà truyền bá vào Trung Hoa.

Huyền Trang đi lấy kinh

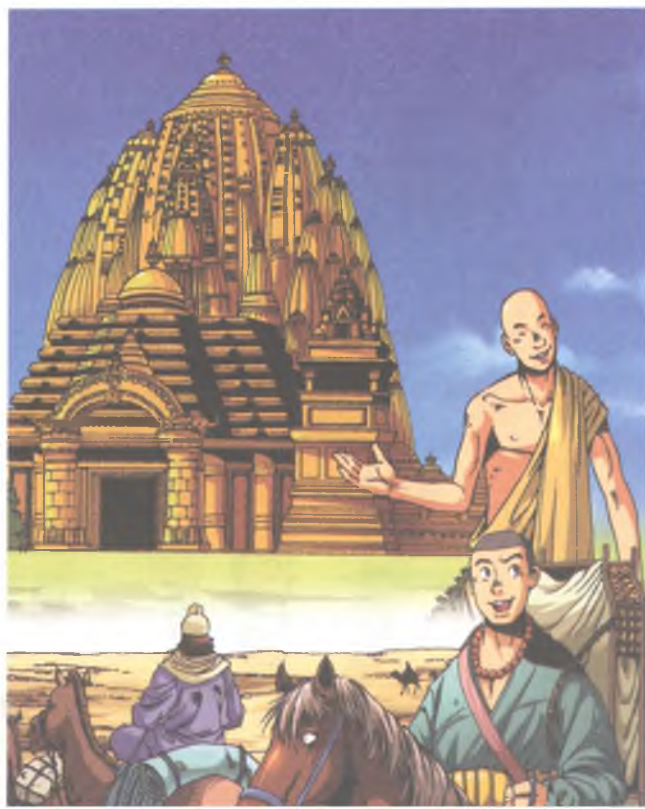
Để tìm thấy cội nguồn của giáo lý nhà Phật, sư Huyền Trang đời Đường đã không quản ngại đường xa vạn dặm tới Ấn Độ lấy kinh.

Phật giáo Đông du

Huyền Trang nhọc lòng học tập tại Ấn Độ, lĩnh hội được sâu sắc giáo lý nhà Phật, có cống hiến lớn lao cho việc truyền bá đạo Phật sang phương Đông.

Phật giáo phát triển tại Trung Thổ

Đạo Phật sau khi được truyền bá, trải qua nhiều thăng trầm cuối cùng cũng phát triển rực rỡ vào đời Đường.



Con đường tơ lụa

Từ Trường An - đô thành nhà Đường, ngang qua đại lục Á Âu, tới tận đế quốc Đông La Mã ở phía Tây, con đường nổi thống Đông Tây này được sử sách gọi là "con đường tơ lụa".

THƯƠNG NHÂN ĐỀU
VẬN CHUYỂN TƠ LỤA
BẰNG CON ĐƯỜNG NÀY
NÊN NÓ MỚI CÓ TÊN
NHƯ VẬY.



Thực ra trước khi nhà Đường ra đời khoảng 1.000 năm, các thương nhân Đông Tây đã bắt đầu buôn bán với nhau. Phật giáo, Mani giáo (Mình giáo), Hỏa giáo, Cảnh giáo... theo chân các thương nhân du nhập vào Trung Hoa qua con đường tơ lụa, vì thế con đường này đóng một vai trò vô cùng quan trọng.





THẤY SA CHÂU RỒI!

CUỐI CÙNG CŨNG TỚI QUAN KHẨU.

Thương đoàn Ba Tư



TA ĐÃ ĐẶT CHÂN TỚI TRUNG HOA VĨ ĐẠL.

Con đường tơ lụa chia làm hai ngã Bắc và Nam, ngăn cách bởi sa mạc Taklamakan. Thành Đôn Hoàng* nằm ở giao điểm của đường Bắc và Nam, phía Tây Bắc là Ngọc Môn Quan, Tây Nam là Dương Quan, đều là những con đường tất yếu phải đi qua khi vào Trung Hoa.



NƠI ĐÂY NÚI NON THẬT TRẮNG LỆ!

Thương đoàn Ba Tư qua thành Đôn Hoàng không lâu thì gặp thuyền trên sông Hoàng Hà, cái nơi của văn hóa Trung Hoa.

*Cứ điểm mà Hán Vũ Đế xây dựng khi viễn chinh Tây Vực vào năm 111 TCN, là cửa ngõ vào Tây Vực, cũng chính là nơi Phật giáo thịnh trị. Hang Mạc Cao ở Đôn Hoàng còn có rất nhiều bức bích họa tượng Phật. Sa Châu ở đây cũng chính là Đôn Hoàng.





Chợ Trương An hội tụ tất cả những đồ quý giá, trên châu báu ngọc Đồng Tây.



TÔI MUỐN ĐỔI THẢM
BA TỬ LẤY XẤP
LỤA NÀY, CÓ ĐƯỢC
KHÔNG?

ÔNG XEM BÌNH
THỦY TINH CỦA
CHÚNG TÔI CÓ
THỂ ĐỔI LẤY
LỤA KHÔNG?

Những thương nhân đến từ phương Tây muốn
tới Trương An để mua lụa tơ tằm. Có thể nói tơ
lụa là món bảo vật của nền văn minh Trung Hoa.



NHIỀU HÀNG QUÁ!

Con đường này là nút giao thông trọng yếu giữa Đông và Tây, chuyên chở đồ tế phẩm của Trung Hoa nên được mệnh danh là con đường tơ lụa.



HỌ LÀ AI THÊ?

ĐÓ LÀ NHỮNG HÒA THƯỢNG ẨM DỘ.



CHÚNG TA VƯỢT NGÀN DẶM XA XÔI TỚI TRUNG HOA.

Các cao tăng đến từ Tây Vực truyền bá đạo Phật vào Trung Hoa.



Huyền Trang đi lấy kinh



Đầu thế kỉ thứ 7, một vị cao tăng nhà Dương đã lai Thiên Trúc (Ấn Độ) học giáo lí nhà Phật. Mười chín năm sau khi về nước, ông mang theo rất nhiều kinh Phật, vị hoa thượng đồ là Huyền Trang.

PHÍA BÊN KIA SA MẠC LÀ CHỖ NÀO VẬY?



TÀ KHÔNG THỂ BỎ CUỘC, ĐÂY MỚI CHỈ LÀ BƯỚC KHỎI ĐẦU.



Vì cha mất sớm nên Huyền Trang từ nhỏ đã ăn đói mặc rét.

Sau đó được huynh trưởng dân đất, Huyền Trang tới Lạc Dương bắt đầu tu luyện Phật pháp.





Năm 26 tuổi, Huyền Trang lên đường
sang Thiên Trúc.



ĐẾN
THIÊN TRÚC,
TA SẼ LĨNH HỘI
ĐƯỢC ĐẠO PHẬT
ĐÍCH THỰC.



Vài ngày sau, Huyền
Trang đã tới Ngọc Môn
Quan, đất mũi phía
Tây của nhà Đường.



MUỐN ĐI
THIÊN TRÚC
SAO?



VẮNG, ĐẠO PHẬT CÓ
QUÁ NHIỀU TỔNG PHẢI,
BẢN TẶNG KHÔNG
BIẾT TỔNG PHẢI NÀO
MỚI LÀ GIÁO LÍ
ĐÍCH THỰC.

VÌ THỂ
MONG TÔI
THIÊN TRÚC
ĐỂ TÌM HIỂU
RÕ NGỌN
NGÀNH.



NHƯNG THEO
QUY ĐỊNH THÌ
NGƯỜI THƯỜNG
KHÔNG THỂ
XUẤT QUAN.



BẢN TẶNG BIẾT,
NHƯNG BẢN TẶNG
THỰC LÒNG
MUỐN TỚI ĐẤT
PHẬT.



...





Sau khi qua Ngọc Môn Quan, Huyền Trang đi vào vùng
sa mạc hoang vu, con đường tới Thiên Trúc còn quá xa...





Khoảng mười ngày sau khi ra khỏi Ngọc Môn Quan, Huyền Trang bắt đầu chuyến hành trình gian khổ, tới Y Châu (nay là Hami, Tân Cương).

Huyền Trang gặp được người nước Cao Xương, vua nước này là một tín đồ sùng đạo Phật.

HUYỀN TRANG ĐẠI SỨ, CẢ NƯỚC TÔI ĐANG BÀN TẤN XÔN XAO CHUYỆN VỀ NGƯỜI.

QUÂN CHỦ CỦA TỆ QUỐC RẤT NGƯỠNG VỌNG, MUỐN GẶP MẶT NGƯỜI.

XIN LỖI, BẮN TẮNG PHẢI LÊN ĐƯỜNG...

CHỈ PHẢI NGƯỜI NÀN LẠI VÀI NGÀY THÔI.

ĐƯỢC THÔI!

Lời mời nhiệt thành của nhân dân nước Cao Xương làm Huyền Trang cảm động, ông đã cùng họ tới nước Cao Xương.

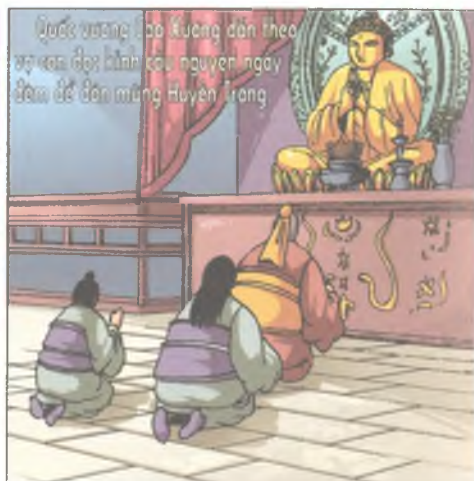
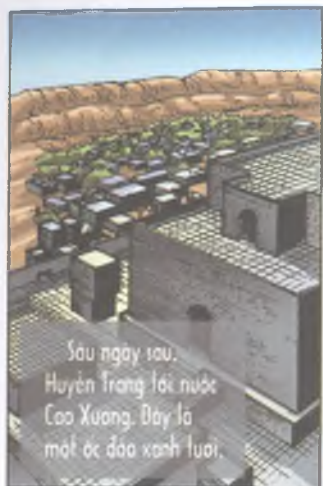


Trên đường tới Cao Xương, Huyền Trang
cùng đoàn người đi qua Hỏa Diệm Sơn, nơi
nóng nhất trên con đường tơ lụa.

NGỌN NÚI NÀY
GIỐNG NHƯ MỘT CÁI
LÒ LỬA ĐANG CHÁY,
NGAY CẢ GIÓ CŨNG
NÓNG HẮM HẬP.

HA HA HA,
CHO NÊN MỚI
TÊN LÀ HỎA
DIỆM SƠN.









Chợ ở nước Cao Xương



Ồ, NẤO
NHIỆT QUÁ!



TRƯỚC ĐÂY
KHÔNG LÂU,
TỔ TIÊN
CHÚNG TÔI
TỪ TRUNG
NGUYÊN ĐẾN
ĐÂY, LẬP NÊN
ĐẤT NƯỚC
NÀY.



Ồ ĐÁO CAO
XƯƠNG BẢO
VỆ CHO NHỮNG
NGƯỜI LỮ HÀNH
TRÊN SA MẠC.



HUYỀN TRANG
ĐẠI SỨ, XIN HÃY
Ở LẠI ĐẤT NƯỚC
CHÚNG TÔI ĐỪNG
DI THIÊN TRÚC
NỮA.



BẠC CAO
TĂNG CỐ TRÍ
TUỆ PHI PHẠM
NHƯ ĐẠI SỨ.

CHÍNH LÀ
NGƯỜI CHÚNG
TÔI MONG MỎI.



KHÔNG
ĐƯỢC
ĐẦU!

NẾU NHƯ BẮN
TĂNG Ở LẠI THÌ
VIỆC MAO HIỂM
TÍNH MẠNG
VƯỢT QUA SA
MẠC CHẴNG CÒN
Ý NGHĨA GÌ NỮA.



Vua nước Cao Xương tặng cho Huyền Trang rất nhiều vàng bạc châu báu, 30 con ngựa và 25 người hầu, còn gửi thư cho vua của 24 nước Huyền Trang đi qua xin nhờ trợ giúp.

THẬT
CẢM KÍCH
BÊ HẠ ĐÃ
GIÚP SỨC.

Nhưng sau khi Huyền Trang đi khỏi,
Cao Xương và Đại Đường xảy ra xung
đột tranh giành quyền thống trị Tây Vực.

Năm 640, Đường Thái Tông hạ lệnh đánh Cao Xương.

GIẾT!
GIẾT!
GIẾT!





Nước Cao Xương bại trận,
phải đầu hàng Đại Đường.

Dị chỉ thành cổ Cao Xương



Thành cổ Cao Xương trong kiểng Duy Ngô Nhĩ là "thành phố Vua" (Qara-hoja).

Thành phố có vị trí địa lý quan trọng, giao thông thuận lợi, sau đó phát triển thành thương hội quốc tế lớn và trung tâm tôn giáo của Tây Vực thời Trung Hoa cổ đại, cùng là một trong những trung tâm in ấn lớn nhất châu Á.

Ngày nay chỉ là một đồng cỏ nát, gần như không còn dấu vết của sự phồn thịnh nữa.



Trường An

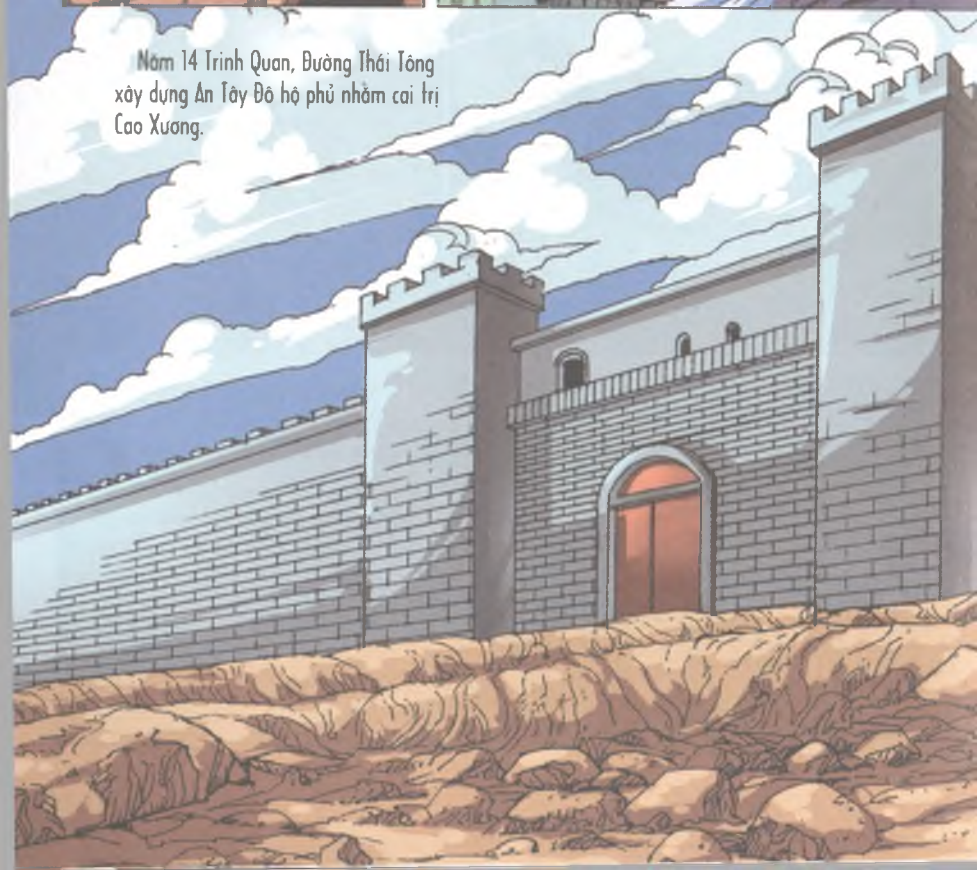


BỆ HẠ, NƯỚC CAO
XƯƠNG CHẲNG CÓ
TÀI NGUYÊN GÌ,
CHIÈM NƯỚC ẤY
THÌ ĐƯỢC LỢI GÌ
CHỨ?

NƯỚC CAO XƯƠNG KIỂM
SOÁT CON ĐƯỜNG GIAO
THƯƠNG GIỮA NƯỚC TA VÀ
TÂY VỰC, CHO NÊN LÀ MỖI
ĐỀ DỌA TIỀM TÀNG
VỚI NƯỚC TA.



Năm 14 Trinh Quan, Đường Thái Tông
xây dựng An Tây Đô hộ phủ nhằm cai trị
Cao Xương.



Đoàn người của Huyền Trang trước khi đến nước Quy Từ lòn
sùng đạo Phật đã gặp cướp, tất cả tài sản đều bị cướp sạch,
chỉ may mắn giữ được mạng sống.



HUYỀN
TRANG ĐẠI SƯ,
CHÚNG TÔI CUỐI
CÙNG CÙNG ĐỢI
ĐƯỢC NGƯỜI.

TA MUỐN MỜI
ĐẠI SƯ GIẢNG
KINH PHẬT CHO
DÂN CHÚNG.



Huyền Trang được nước
Quy Từ đón tiếp nồng hậu.

LÀ VŨ ĐẠO
TÂY VỰC! CHẮC
NƠI NÀY RẤT GẦN
THIÊN TRÚC.



Đoàn thỉnh kinh ở lại Quy Từ hơn hai tháng rồi tiếp tục lên đường. Vì núi non hiểm trở, khí hậu lạnh lẽo, nên cả đoàn người phải đối mặt với những nguy hiểm và khó khăn lớn lao.

RẾT QUÁ!

Sau bảy ngày trên núi cao, rất nhiều người ngựa đều bị chết rét.



CHỈ CẦN TỚI ĐƯỢC THIÊN TRÚC, NÚI CAO DÙ HIỂM TRỞ, LẠNH GIÁ, TA CŨNG PHẢI VƯỢT QUA.





Đoàn người cuối cùng cũng vượt qua núi cao,
tới Tây Đột Quyết.









Phật giáo Đông du

Tự viện Nalanda* được quốc vương Ấn Độ bảo hộ nên vẫn giữ được vẻ tôn nghiêm của chùa Phật giáo. Huyền Trang đã học ở đây nhiều năm.

HÃY THEO CHÚNG TÔI HỌC GIÁO LÝ NHÀ PHẬT!

Di chỉ tự viện Nalanda



NHỮNG CUỐN SÁCH KINH ĐIỂN NÀY ĐỀU LÀ BẢO VẬT PHẬT TỔ GỬI GẮM LẠI CHO TA.

* Một trường đại học Phật giáo nằm ở phía Đông Bắc Ấn Độ, thịnh vượng nhất vào thế kỷ thứ 5, đến thế kỷ 12 thì bị bỏ hoang.





Huyền Trang ngày nào
cũng chép kinh Phật.



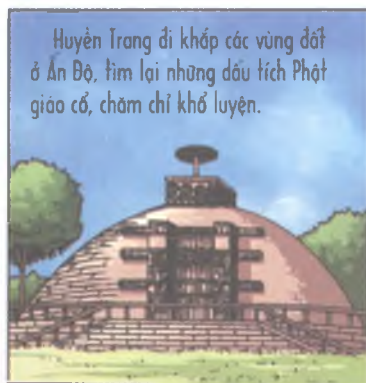
CÓ BIẾT
VỊ HÒA THƯỢNG
ĐỀN TỪ ĐẠI
ĐƯỜNG KHÔNG?

AI MÀ CHẴNG
BIẾT, LÀ HUYỀN
TRANG ĐẠI SƯ
ĐÚNG KHÔNG?

CÁC TĂNG
NHÂN CỦA TỰ
VIÊN NALANDA
ĐỀU TÔN KÍNH
NGÀI ẤY.



NGHE NÓI CÁ QUỐC
VƯƠNG CŨNG MỜI
NGÀI ẤY GIẢNG GIẢI
ĐẠO PHẬT.



Huyền Trang đi khắp các vùng đất
ở Ấn Độ, tìm lại những dấu tích Phật
giáo cổ, chăm chỉ khổ luyện.



PHẬT GIÁO
Ở THIÊN TRÚC
SẮP LỤY TÀN
RỐI.

NHƯNG TA
SẼ MANG PHẬT
GIÁO VỀ PHÁT
TRIỂN Ở TRUNG
HOA.



Năm 643, Huyền Trang mang theo kinh sách nhà Phật, men theo con đường tơ lụa, bước vào cuộc hành trình về lại cố quốc.





Sau đó Đường Thái Tông lệnh cho Huyền Trang chỉnh lý, ghi chép những chuyện mắt thấy tai nghe trên đường thành cuốn "Đại Đường Tây Vực Ký".



Sau đó hai mươi năm, Huyền Trang được Đường Thái Tông ủng hộ và giúp đỡ, toàn tâm toàn ý dịch kinh sách.



Tháng 2 năm 664

HUYỀN
TRANG ĐẠI
SƯ VIÊN
TỊCH* RỒI



Ồ...



ĐẠI ĐƯỜNG
MẤT ĐI MỘT
BẢO VẬT.



* Từ dùng trong đạo Phật có nghĩa là quy tiên, chết.





Nhiều năm sau đó, có người đã viết những câu chuyện mạo hiểm đi Thiên Trúc thỉnh kinh của đại sư Huyền Trang thành truyền thuyết thoại lưu truyền rộng rãi, đó chính là tác phẩm "Tây Du Ký".



Phật giáo phát triển tại Trung Thổ

Cuối đời Đông Hán, đạo Phật theo con đường tơ lụa du nhập vào Trung Hoa.

KHƯƠNG
TĂNG HỘI ĐẠI
SƯ SẴP GIẢNG
KINH RỒI ĐÓ!

ĐẠI SƯ
TỚI NƯỚC NGÔ
NÊN CHÚNG TA
ĐƯỢC NGHE
GIẢNG KINH
RỒI.

Nước Ngô thời
Tam Quốc

NẾU CÓ NHÂN
NGHĨA VÀ LÒNG
TRẮC ẨN, KIẾP NÀY
HÀNH THIÊN, KIẾP
SAU SẼ ĐƯỢC
BẢO ĐÁP.

KHÔNG THAM LAM,
KHÔNG VỊ LỢI, TỰ
TRONG LÒNG SẼ
KHÔNG CÓ TÀ NIỆM,
CŨNG KHÔNG CÒN
KHỔ NỮA...

NHÂN NGHĨA LÀ
THUYẾT PHÁP CỦA
NHÔ GIA, TRONG KINH
PHẬT CỨNG ĐỀ CẬP
ĐẾN SAO?



PHẬT, NHÔ,
ĐẠO LÀ
MỘT, BẮN
TĂNG SẼ GIẢI
THÍCH CHO
MỌI NGƯỜI
NGHE...



Chính Khương
Tăng Hài hòa thượng
đã mang Phật giáo
giao hòa với văn hóa
Trung Hoa, xây dựng
nền móng vững
chắc cho sự phát triển
của Phật giáo ở đây.



NHÂN QUẢ
BẢO ỨNG,
NGƯỜI TỐT
KIẾP SAU SẼ
KHÔNG CHỊU
KHỔ NỮA.



NẾU LẠI
ĐƯỢC ĐẤU THAI
LÀM NGƯỜI, TA
SẼ LÀM NHIỀU
VIỆC THIỆN.



KHÔNG ĐẮC ĐẠO
THÀNH THẦN TIÊN
CŨNG ĐƯỢC, CHỈ CẦN
KIẾP SAU SẼ SỐNG
TỐT.





Thời đại Nam Bắc triều.
Phật giáo lại càng phát
triển, nay sinh tụng đời
trước tôn giáo bản địa là
Đạo giáo.

NGƯỜI CHẾT
NHƯ ĐÈN DẦU
ĐÃ TẮT, LÂM GÌ
CÒN CÓ KIỆP
SAU?

LIỆU CÓ AI ĐÀ
NHÌN THẤY NGƯỜI
ĐẮC ĐẠO THÀNH
TIÊN? KIỆP SAU
MỚI LÀ HI VỌNG
SỐNG.

ĐÁNG GHÉT!
GIÁO LÝ NGOẠI
LAI MÀ DÁM
HUỆNH HOANG.

Thái Vũ Đế nước Bắc Ngụy



HOÀNG THƯỢNG,
CHÙA CHIÊN
NGÀY NAY NHIỀU
VÔ KẾ, TĂNG
NHÂN LÀ MỘT LŨ
ĂN KHÔNG NGỒI
RỒI, KHÔNG LÀM
MÀ HƯỞNG.

Các đạo sĩ
nhiều lần cầu
kiến hoàng
thượng...

PHẬT MÔN KÊU
GỌI MỌI NGƯỜI
XUẤT GIA, KHÔNG
QUAN TÂM TỚI THÂN
THÍCH GIA ĐÌNH.

NHƯNG KẺ VỨT
BỎ TÌNH THÂN,
CON CÁI MÀ CÒN
HUỖNH HOANG LÀ
CÓ THIÊN TÂM,
ĐÚNG LÀ LỬA
GẠT NGƯỜI
KHÁC.



HƠN NỬA, NHỮNG HOÀ
THƯỢNG ĐÓ ĐỀU TIN
VÀO PHẬT TỔ, KHÔNG
CƠI HOÀNG THƯỢNG
RA GÌ.



XUẤT GIA?
DÂN CHÚNG CHẠY
ĐI LÀM HOÀ THƯỢNG
HẾT THÌ LẤY AI CÂY
CÂY, NỢP THUẾ? AI
ĐI LÍNH? HỦ, CẦN
CHẶN NGAY ĐẠO
PHẬT LẠI.



Hoàng đế Bắc Ngụy Thái Vũ Đế hạ lệnh diệt
Phật môn, rất nhiều tăng nhân bị giết hoặc
ép phải hoàn tục.



Rất nhiều kinh Phật, tượng Phật
bị đốt phá.

SU HUYNH,
CHÚNG TA
PHẢI GIỮ LẤY
TÍNH MẠNG
ĐÃ. HOÀN TỤC
THÔI PHẬT
MÔN BỊ HỦY
HOẠI RỒI.



PHẬT
PHÁP VÔ
BIÊN, NGÃ
PHẬT TỬ
BỊ VÀO TÂN
TÂM GAN.
PHẬT MÔN
SẼ KHÔNG
BỊ DIỆT
ĐÀU.



CHO ĐAM
HÒA THƯỢNG
HẾT HUYNH
HOANG.

ĐAM NÓI ĐẠO GIA CHÚNG TA
TRƯỞNG SINH BẤT LÃO LÀ
KHÔNG ĐÁNG TIN, ĐÁNG DỐI!





Đạo Phật liên tục phát triển. Kiến trúc, nghệ thuật của Tây Vực đã hòa nhập với văn hóa Trung Hoa.





TÀ ĐÃ NGHIÊN
NGẤM KINH PHẬT
NHƯNG CÒN NHIỀU
ĐIỀU BẮN KHOẢN
CHƯA TỎ.

ĐẤT NƯỚC COI
TRỌNG PHẬT PHÁP,
NHƯNG PHẬT GIÁO
VẪN KHÔNG PHẢI
LÀ QUỐC GIÁO.



TÀ SẼ ĐÍCH THÂN
TỚI NƠI KHỞI NGUỒN
CỦA PHẬT GIÁO ĐỂ
CẦU CHÂN KINH.



ĐẠO GIÁO
HAY PHẬT GIÁO
ĐỀU NGANG
NHAU, TA CẦN
COI TRỌNG CẢ
HAI, DỪNG CẢ
HAI.

Huyền Trang sang Thiên Trúc thỉnh kinh
trở thành một việc trọng đại trong lịch sử
phát triển của Phật giáo ở Trung Hoa.



BƯỜNG
THÁI TÔNG
LÝ THẾ
DÂN



TRẦM
TÔI CHÙA
PHÁP MÔN
VÌ CÓ VIỆC
CẬY NHỜ
TRỤ TRÌ.

TRẦM MUỐN THAM
BÁI PHẬT CỘT
TRONG CHÙA PHẬT
MÔN, CẦU PHÚC
CHO DÂN CHÚNG
ĐẠI ĐƯỜNG.

PHẬT TỔ SẼ
PHỦ HỘ CHO
ĐẠI ĐƯỜNG
PHỒN VINH,
THỊNH TRỊ.



NGỌC THÁP
ĐỊA CUNG CẦN
MỘT LOẠT BỨC
TƯỢNG PHẬT
CÙNG TIỀN
XUNG QUANH
PHẬT CỘT.

BÂY GIỜ
ĐẸ TỬ SẼ
ĐI ĐẶT
NGAY.

CHÙA PHẬT MÔN
CẦN GẤP TƯỢNG PHẬT
DẮT VÀNG, MỌI NGƯỜI
PHẢI LÀM NGÀY
LÀM ĐÊM.

CHÚNG TA
CHẾ TÁC RA
TƯỢNG PHẬT,
MỘT LÒNG
HƯỚNG VỀ
PHẬT.



DỀN CHỢ TÂY
ĐI, Ở ĐÓ CÓ
MỘT PHƯỜNG
CHUYÊN DẮT
VÀNG TƯỢNG.

TƯỢNG PHẬT
CỦA CHỢ TÂY
Cũng RẤT
NHIỀU.



TIỂU
NHÂN
ĐI LÀM
NGAY!

GẦN ĐÂY CÓ NHẠC
PHƯỜNG ĐANG TẬP
VŨ ĐẠO, CHÚNG TA
ĐI XEM NÀO!



NGHE NÓI
NHỮNG ĐỘNG TÁC
ĐÓ LÀ TỪ TẠO HÌNH
CỦA TƯỢNG PHẬT.



TUYÊN
HUYỀN
TRANG
CẦU
KIẾN!

ĐẠI SƯ
ĐÃ LẶN LỘI GẦN
HAI MƯƠI NĂM ĐI
TÂY THIÊN THỈNH
KINH, THẬT VẬT
VẢ QUÁ!

MANG
ĐƯỢC KINH
SÁCH VỀ
ĐẠI ĐƯỜNG,
LÒNG BẮN
TẮNG ĐÃ MÃN
NGUYỄN
RỒI.

CÓ ĐƯỢC CHÂN
KINH, ĐẠI ĐƯỜNG
TA CÓ THỂ
THIÊN THU
VẠN ĐẠI.

THIÊN THU
VẠN ĐẠI?
HÌ VỌNG
LÀ VẬY...

Năm 825, Huyền
Trang về nước.



Năm 690, Phật môn cho ra đời cuốn "Đại Văn Kinh".

Sách viết Võ Tắc Thiên hoàng hậu chính là đế vương do nhà Phật lựa chọn.



Võ Tắc Thiên lợi dụng Phật giáo để leo lên ngai vàng, đổi quốc hiệu thành nhà Chu, trở thành nữ hoàng đế duy nhất trong lịch sử Trung Hoa.



ĐẠI SƯ,
BỆ HẠ MỜI
NGƯỜI. XIN
THEO NÔ
TÀI!



BỆ HẠ
SÁT SINH
QUẢ
NHIỀU...

KHÔNG
PHẢI VÌ TRẮM
THÍCH SÁT SINH
MÀ LÀ VÌ SINH
TỒN, NHƯNG KỂ
RÁP TÂM HÂM
HẠI TRẮM ĐỀU
PHẢI TRỪ
BỎ.



VÌ THỀ MÀ
GIẾT BAO NHIÊU
NGƯỜI VÔ TỘI. NGÃ
PHẬT TỬ BỊ, KHÔNG
GIẾT CHẾT TỬ CON
KIÊN, NỮA LÀ
CON NGƯỜI.



ĐẠI SƯ
TRÁCH TRẮM
KHÔNG PHẢI
LÀ MINH QUÂN
HẢ?

DỪNG CỤC
HÌNH HÀNH PHÁP
KHÔNG PHẢI LÀ
ĐẠO CỦA MỘT
MINH QUÂN.





BÂY GIỜ TRẦM
THÀNH TÂM MUỐN
NGHIÊN CỨU
PHẬT PHÁP ĐỂ
HIỂU Ý NGHĨA
ĐÍCH THỰC CỦA
ĐẠO NHÂN.



ĐA TÀ
ĐẠI SƯ ĐÃ
CAN GIẢN
THẬT
LÒNG!



A DI ĐÀ PHẬT!
BÊ HA NÊN
TRÁNH XA SÁT
SINH HÌNH KHỔ.
NGHE LỜI CAN
GIẢN CỦA BẠC
TRUNG THẦN.



TRẦM MUỐN
XÂY CẤT
THÊM CHÙA
CHIÊN, MỞ
RỘNG HANG
ĐÁ LONG
MÔN.

CHẦN
HỨNG
PHẬT
PHÁP.



Phật giáo không hề diệt vong vì bị ngăn cấm, hơn nữa qua
thời đại nhà Đường, Phật giáo còn được giao hòa sâu sắc hơn với
nền văn hóa Trung Hoa, trở thành một bộ phận không thể thiếu.

Con đường tư lự và Huyền Trang đi lấy kinh

Bước vào thời đại Tùy Đường, các dân tộc hòa hợp với nhau, lãnh thổ Trung Hoa được mở rộng, sản xuất phát triển, thương nghiệp phồn thịnh, văn hóa rực rỡ. Triều Đường tiếp nhận nhiều văn hóa ngoại lai với tâm thế rộng mở, càng làm cho văn hóa Đông Tây liên kết và dung hòa, vượt bậc so với những triều đại cũ.

Từ Đường Thái Tông tới Võ Tắc Thiên, nhà Đường đã kiểm soát được vùng lòng chảo Tarim và các nước nhỏ ở Tây Vực, trở thành thiên quốc của các quốc gia nhỏ lẻ. Việc giao lưu giữa Trung Hoa và các nước phương Tây thông thoáng và không gặp bất cứ trở ngại nào, nền văn hóa giao thoa bùng nổ rực rỡ. Con đường tư lự phát huy được tác dụng không thể thay thế.

Các động vật dị kỳ, châu ngọc, hương liệu, binh thủy tinh, tiền vàng bạc từ phương Tây đổ vào Trung Hoa. Những tập quán sinh hoạt như ăn uống, phục sức, hay các hình thức giải trí văn hóa như âm nhạc, vũ đạo từ Trung Á và Tây Á hồi hải truyền bá tới Trung Nguyên. Cùng với sự cường thịnh của Phật giáo, các tôn giáo khác như Hoá giáo, Mani giáo, Cảnh giáo, thậm chí cả Hồi giáo đều được du nhập vào Trung Hoa. Cùng với việc đón nhận văn hóa ngoại lai, Trung Hoa cũng

truyền bá nền văn minh Trung Nguyên tới phương Tây, thúc đẩy sự giao lưu văn hóa Đông Tây.

Người có công lớn trong việc thúc đẩy giao lưu văn hóa đó là Huyền Trang. Thiếu thời Huyền Trang xuất gia làm hòa thượng, chăm chỉ nghiên cứu Phật học, tinh thông các kinh điển của Phật giáo. Trong quá trình nghiên cứu, ông phát hiện ra kinh sách của Trung Thổ có nhiều lỗi sai, bèn quyết tâm tới Thiên Trúc, nơi khởi nguồn của đạo Phật, để học tập và lấy kinh.

Huyền Trang xuất phát vào năm thứ nhất Trinh Quan, vượt qua những sa mạc khô cằn, khắc phục hết khó khăn này đến khó khăn khác, hơn một năm trời lặn lội mới tới được Thiên Trúc.

Huyền Trang ở lại Thiên Trúc học tập hơn mười mấy năm, đi khắp 70 quốc gia lớn nhỏ trong vùng. Năm 42 tuổi, ông đem theo 650 bộ kinh về Trường An. Sau khi về nước, ông bắt tay dịch kinh Phật. Ông đã dịch cả thảy 74 bộ kinh, gần 1.300 quyển.

Với tư cách là một cao tăng và một dịch giả, lại là sứ giả hữu nghị giữa Trung Hoa và Ấn Độ, Huyền Trang có công lớn trong việc phát triển rộng rãi đạo Phật ở Trung Hoa cũng như thúc đẩy giao lưu văn hóa Trung Ấn.

Cao Tăng Huyền Trang

Huyền Trang họ Tục là Trần, tên Huyền Trang là pháp danh, người đời sau gọi ông là Tam Tạng (Tam Tạng nghĩa là người thông hiểu được ba văn đề lớn của đạo Phật đó là: Phật kinh, Giới luật và Luận thuật lý luận).

Năm 602, Huyền Trang sinh ra ở Lạc Châu, huyện Cầu Thi, xuất thân trong gia đình thi ca và rất chuộng đạo Phật. Từ nhỏ Huyền Trang đã cùng với nhĩ ca tới chùa Tịnh Thổ ở Lạc Dương để nghe giảng pháp, rồi trở thành tín đồ mộ đạo, và xuất gia khi mới 13 tuổi.

Sau khi trưởng thành, Huyền Trang đi chu du bốn phương, gặp gỡ các danh sư, học những kinh điển đạo Phật như "Kinh Niết Bàn" và "Nhập Đại Thừa Luận"... Trong quá trình nghiên cứu và đi sâu tìm tòi giáo lý nhà Phật, ông thấy rằng tông phái đạo Phật nhiều, nhưng sách kinh kệ được dịch quá ít ỏi, bản dịch còn nhiều lỗi sai, vì vậy không thể thông tỏ được hết. Ông bèn quyết chí

tới nơi khởi nguồn của đạo Phật để học kinh và nghiên cứu những giáo lý nhà Phật mà mình còn thấy khúc mắc.

Năm 627, Huyền Trang xuất phát từ Trường An, tới Ấn Độ học tập, rồi quay về Đại Đường, mang theo những cuốn kinh sách kinh điển của Phật giáo, thúc đẩy giao lưu văn hóa Trung Ấn.

Năm 664, Huyền Trang qua đời ở Trường An.



Huyền Trang Tây hành



Huyền Trang ở tự viện Nalanda

Tháng 8 năm 627, Huyền Trang đơn độc hòa vào đoàn thương nhân, bắt đầu chuyến du hành đầy mạo hiểm hơn 5 vạn dặm xuất phát từ Trường An, nhưng bị phát hiện và bị đồ đốc Lương Châu Lý Đại Lượng truy bắt. Sau đó ông ngấm vượt Ngọc Môn Quan ở Qua Châu, rong ruổi trên lưng con ngựa được người Hồ tặng, vượt qua sa mạc dài hơn 800 dặm, tất cả đều nhờ con ngựa thuộc đường này mà tránh được cái khát trên hoang mạc khô cằn.

Khi đi qua nước Cao Xương, ông được vua nước này trọng vọng, và coi là "ngự đệ", còn nhọc công dùng vàng bạc châu báu biểu Đại Khả Hãn Tây Đột Khuyết để xin Đại Khả Hãn lệnh cho các nước chư hầu Tây Vực giúp Huyền Trang được thông hành thuận lợi.

Năm 628, Huyền Trang tới khu vực Kashmir, 657 bộ kinh Phật mà ông lấy được đều nhờ vào trí tuệ và kiến thức. Theo ghi chép, thời gian ở Kashmir, ông đã nhiều lần vượt sông Hằng, cầu kiến các danh sư, nghiên cứu kinh Phật.

Năm 631, Huyền Trang tới thành phố Gaya, vào tự viện Nalanda, nơi nghiên cứu lớn nhất về Phật giáo ở Ấn Độ khi ấy. Ông đã đọc hầu hết kinh sách, nổi tiếng khắp Ấn Độ về kiến thức sâu rộng và được mời giảng pháp với tư cách là một học giả. Nghe nói, ông đã giảng pháp tới 18 ngày ở thành phố Kanyakubja (nay là Kannauj), khiến cho cả 18 vị quốc vương Ấn Độ và 7.000 chư tăng khâm phục, nhận được sự kính trọng bội phần.

Năm 643, Huyền Trang trở về Đại Đường, vì sợ bị xử tội tử ý vượt quan ải, nên đã nhờ người tới Trường An xin trước. Hơn nữa, ông biết Lý Thế Dân cũng có chí mở rộng về phía Tây, nên nói rằng mình đã đi qua các nước Tây Vực, thông tỏ chính trị, kinh tế, phong tục tập quán, nên được Lý Thế Dân chào đón nồng nhiệt. Lý Thế Dân lệnh cho ông viết lại tất cả những điều tai nghe mắt thấy ở Tây Vực. Sau đó, Huyền Trang viết "Đại Đường Tây Vực Ký", cuốn sách có vai trò quan trọng trong sự nghiệp thống nhất Đại Đường. Mãi tới ngày nay, bộ sách vẫn là tài liệu quan trọng nghiên cứu về lịch sử Tây Vực giữa thế kỉ thứ 7. Điều này chắc hẳn Huyền Trang chưa từng nghĩ tới.

Năm 631, Huyền Trang tới tự viện lớn nhất của Phật giáo là Nalanda thuộc nước Magadha (nay thuộc bang Bihar, Ấn Độ), được hơn 1.000 người rải hoa chào đón. Chủ sự của tự viện là S'ilabhadra, một nhà Phật học có uy tín, dù đã 90 tuổi, không còn giảng pháp nữa nhưng để bày tỏ tình hữu hảo với Trung Hoa, ông đã nhận Huyền Trang làm đệ tử, giảng dạy cho Huyền Trang hơn 15 tháng ròng về bộ kinh Phật khó nhất "Du Già Luận". Huyền Trang nghiên cứu 5 năm về Phật pháp, thành tích nổi trội, trở thành một trong mười cao tăng của tự viện Nalanda. Sau đó Huyền Trang đi khắp Thiên Trúc học tập, trên đường nhiều lần tham gia vào các cuộc biện luận Phật học, được rất nhiều học giả tôn kính. Tới năm 641, ông quay trở lại Nalanda trong vinh quang, chủ trì chính những cuộc nói chuyện của tự viện.

Huyền Trang mà áo thành công

Sau khi từ Ấn Độ trở về, Huyền Trang từ biệt chủ sự S'ilabhadra. Trước khi quay về Đại Đường, ông tới gặp mặt quốc vương Siladitya và nhận được lễ vật. Quốc vương quyết định triệu tập cuộc nghị giáo do Huyền Trang chủ trì ở thành đô Kanyakubja, lệnh cho các tín đồ đạo Ngũ Ấn Sa Môn, Bà La Môn, và những hành giả các pháp môn ngoại đạo khác đến cùng tham gia. Khi đó có 18 vị quốc vương, tăng ni Đại Thừa, Tiểu Thừa của các nước lớn nhỏ gần 3.000 người, hơn 1.000 tăng ni trong tự viện Nalanda... Trong 18 ngày, không có bất kì ai hoài nghi hay khúc mắc về lí luận đạo Phật của Huyền Trang. Vì thế, Huyền Trang được các tín đồ cả Đại Thừa và Tiểu Thừa cùng tôn vinh là "Đại Thừa Thiên" hay "Giải Thoát Thiên". Sau này ông từ biệt quốc vương Siladitya, mang theo vài trăm bộ kinh tiếng Phạn và tượng Phật, khởi hành quay về Đại Đường.



Huyền Trang dịch kinh Phật

Năm 643, Huyền Trang từ chối lời mời ở lại của quốc vương Siladitya, quyết tâm trở lại quê hương. Tháng Giêng năm 645, Huyền Trang mang theo 657 bộ kinh về Trường An, nhận được sự đón tiếp trọng thị của tể tướng Phòng Huyền Linh, bách tính thành Trường An cũng chen nhau tới nghênh đón Huyền Trang.

Huyền Trang kể cho mọi người những điều mắt thấy tai nghe ở Tây Vực, sau đó tiến hành dịch kinh sách. Trong vòng hai mươi năm, ông đã dịch được khoảng 74 bộ kinh, gần 1.300 quyển. Sau này kinh Phật bị thất truyền ở Ấn Độ, và chính những bản dịch kinh Phật này là tài liệu quan trọng nghiên cứu tôn giáo, triết học, văn học và khoa học của Ấn Độ thời cổ.

Do Huyền Trang là người có trình độ Hán học uyên thâm, lại tinh thông tiếng Phạn*, vì vậy kinh Phật được dịch lưu loát.

Huyền Trang và Đường Thái Tông

Sau khi về Trường An, Huyền Trang yết kiến Đường Thái Tông. Đường Thái Tông yêu cầu ông viết một bộ sách thuật lại những điều mắt thấy tai nghe ở Tây Vực, còn khuyên ông hoàn tục theo đường quan lộ. Huyền Trang đồng ý việc viết sách, nhưng cực lực từ chối việc làm quan. Đường Thái Tông giữ ông lại ở chùa Hoằng Phúc dịch kinh sách, triều đình sẽ hỗ trợ mọi thứ cần thiết cho dịch thuật, còn triệu tập hơn 20 tăng nhân nổi tiếng giúp sức. Từ tháng 5 năm 645, ông bắt đầu dịch "Bồ Tát Tạng"... sau đó mới biên soạn cuốn "Đại Đường Tây Vực Kí". Năm 648, ông dịch xong 100 cuốn kinh "Du Già sư địa luận", sau đó ông mời Đường Thái Tông viết lời nói đầu cho bản dịch, đây cũng chính là "Đại Đường Tam Tạng Thánh Giáo Tự".

Về sau, Thái Tông hạ lệnh biến chùa Hoằng Phúc làm nơi dịch kinh kệ, rồi cho xây chùa Đại Bi Ấn có viện dịch kinh và đón Huyền Trang vào ở. Đường Thái Tông cung cấp đầy đủ điều kiện cho Huyền Trang, cũng chính là sự ủng hộ mạnh mẽ từ phía triều đình với việc truyền bá rộng rãi đạo Phật ở Trung Hoa.

Bại Đường Tây Vực Kí

Huyền Trang thuật lại hành trình tới Tây Vực để người khác viết thành cuốn "Đại Đường Tây Vực Kí", gồm 12 cuốn, hoàn thành vào năm 646. Trong sách ghi lại tình hình của hơn 110 nước Tây Vực mà ông đi qua, cùng với 28 nước được nghe nói, bao gồm cả khu vực rộng lớn gồm Afghanistan, Pakistan, Bangladesh, Nepal, Sri Lanka, Ấn Độ... Ông nhắc tới phong tục tập quán, lịch sử chính trị, truyền thuyết thần thoại, nội dung phong phú, sống động và chính xác. Tới ngày nay cuốn sách vẫn là nguồn sử liệu có giá trị, cũng là tư liệu quan trọng bổ sung những điểm còn thiếu hụt trong những cuốn sách nghiên cứu lịch sử Trung Á, Nam Á và lịch sử đạo Phật. Sách được các học giả Ấn Độ giáo và Phật giáo giới thiệu, có rất nhiều bản dịch như tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nhật...

Giao lưu văn hóa Trung Ấn

Từ đời Hán đã có Trương Khiên đi sứ sang Tây Vực, điều này đã được ghi chép trong sử sách, đánh dấu sự giao lưu qua lại giữa Trung và Ấn. Sau chuyến Tây du của Huyền Trang thời nhà Đường, giao lưu Trung - Ấn lên đỉnh cao huy hoàng.

Sau khi Huyền Trang từ Thiên Trúc quay về, nhà Đường và Ấn Độ thường xuyên cử sứ thần qua lại, giao lưu kinh tế và văn hóa cũng sâu rộng thêm. Kỹ thuật làm giấy và giấy của Trung Hoa du nhập vào Ấn Độ thông qua Nepal. Y học, thiên văn lịch pháp, ngôn ngữ, âm nhạc, vũ đạo, hội họa, kiến trúc, nghệ thuật... của Ấn Độ cũng được truyền bá vào Trung Hoa vào đời Đường. Tất cả các tác phẩm thiên văn học, y học sau này đều lưu lại dấu ấn đó.

* Một cổ ngữ của Ấn Độ.



Thiền tông ra đời

Do sự ngăn cách về địa lí cùng sự khác biệt về chính trị, văn hóa và phong tục, sau vài trăm năm phát triển, đạo Phật mới theo chân các sứ thần du nhập vào Trung Hoa. Vào khoảng triều đại Lương Hán, Nho giáo truyền thống dần suy yếu, xã hội thiếu di tư tưởng chủ đạo làm bánh lái có sức bật mạnh mẽ. Cùng lúc ấy, đạo Phật truyền bá vào lúc lấp đầy chỗ trống cho tư tưởng này. Vì vậy việc tu hành theo Phật giáo rất thịnh hành.

Mục đích ban đầu của đạo Phật ở Trung Hoa là nghiên cứu và tu tập thiền pháp. Do những người tu hành nghiên cứu và học Phật pháp bằng các cách khác nhau nên dần hình thành nhiều trường phái. Trên nền tảng những trường phái đó lại tiếp tục phân chia thành các tông phái khác nhau. Thiền tông là một trong số đó, những tông phái còn lại là Thiên Đài tông, Vi Thức tông, Luật tông, Mật tông, Tịnh Thổ tông...

Thiền tông được nhen nhóm và xuất hiện vào đời Tùy Đường, sau đó phát triển và dần vượt qua những tông phái khác, trở thành tông phái được lưu truyền lâu nhất, có tầm ảnh hưởng rộng nhất trong lịch sử Phật giáo Trung Hoa.

Lời giáo huấn của Thiền tông

Nghiên cứu và học tập Thiền tông chủ yếu là “ngộ”. Các tăng nhân răn dạy chúng đệ tử bằng những lời giáo huấn ngụ ý sâu xa. Dưới đây là ví dụ:

Ngũ tổ Thiền tông là Hoàng Nhãn có hai đại đệ tử, Thần Tú và Huệ Năng. Thần Tú lập ra phái Bắc Thiền còn Huệ Năng lập ra phái Nam Thiền. Khi Hoàng Nhãn truyền đạo cho Thần Tú, Thần Tú bèn răn mình rằng: “Thân như bồ đề tán - Tâm đường tấm gương soi - Ngày ngày chăm lau tưới - Không sợ nhiễm bụi trần.” Ý muốn nhắc nhở phải khổ luyện, trừ tà niệm mới ngộ đạo thành Phật.

Huệ Năng nghe xong, bèn tự nhắc rằng: “Bồ đề thân không có - Gương nào tỏ để trong - Vạn vật vốn là vô - Bụi trần nào đâu thấy?” Huệ Năng chủ trương rằng chỉ cần Phật ở tâm trong tự khắc sẽ ngộ đạo, không cần khổ hạnh tu hành, không cần phải đọc kinh thư vạn quyển, cũng có thể ngộ đạo thành Phật.

Thiền Tông phát triển ở Trung Hoa

Tương truyền thời Nam Bắc triều, Bồ Đề Đạt Ma (Bodhidharma) không quản ngại gian lao từ Nam Ấn Độ tới Bắc Ngụy để truyền đạo. Ông truyền cho chúng đệ tử bốn cuốn “Lăng Già kinh”, chủ trương coi trọng “giáo lí nhập thân, hành vi tự xuất” kết hợp giữa lí luận giải ngộ của tông giáo và thực tiễn của Phật học Đại Thừa, sáng lập ra tông phái thiền học mới. Đạt Ma đã truyền dạy cho Huệ Khả, Huệ Khả truyền cho Tăng Xán, nhưng do chịu sự chi phối, chèn ép và ảnh hưởng mạnh mẽ của các thiền học phương Bắc, nên chưa có cơ hội phát triển. Mãi cho đến Ngũ tổ Hoàng Nhãn, Đạt Ma Thiền mới được phát triển bước đầu, có khu vực truyền bá ổn định và riêng rẽ. Nhờ đó, mà thiền học Trung Thổ mới có bước thay đổi rõ rệt.

Sau Hoàng Nhãn, do hai đệ tử Thần Tú và Huệ Năng có những kiến giải khác nhau nên Đạt Ma Thiền mới phân thành hai nhánh, Thần Tú lập Bắc Thiền tông, Huệ Năng lập Nam Thiền tông. Sau này Nam Thiền tông vượt qua Bắc Thiền tông, trở thành thiền phái đứng đầu tại Trung Hoa. Thiền tông trải qua sáu đời từ Đạt Ma tới Huệ Năng, Đạt Ma được gọi là Sơ tổ còn Huệ Năng được gọi là Lục tổ.

Tóm lại từ Đạt Ma tới Hoàng Nhãn, chỉ là quá trình truyền dạy kinh sách qua năm thế hệ, được coi là giai đoạn chuẩn bị của Thiền tông. Còn Lục tổ Huệ Năng mới là người sáng lập ra Thiền tông chính phái với ý nghĩa đầy đủ và đích thực.

Chương 4: *Ánh sáng cuối nhà Đường*

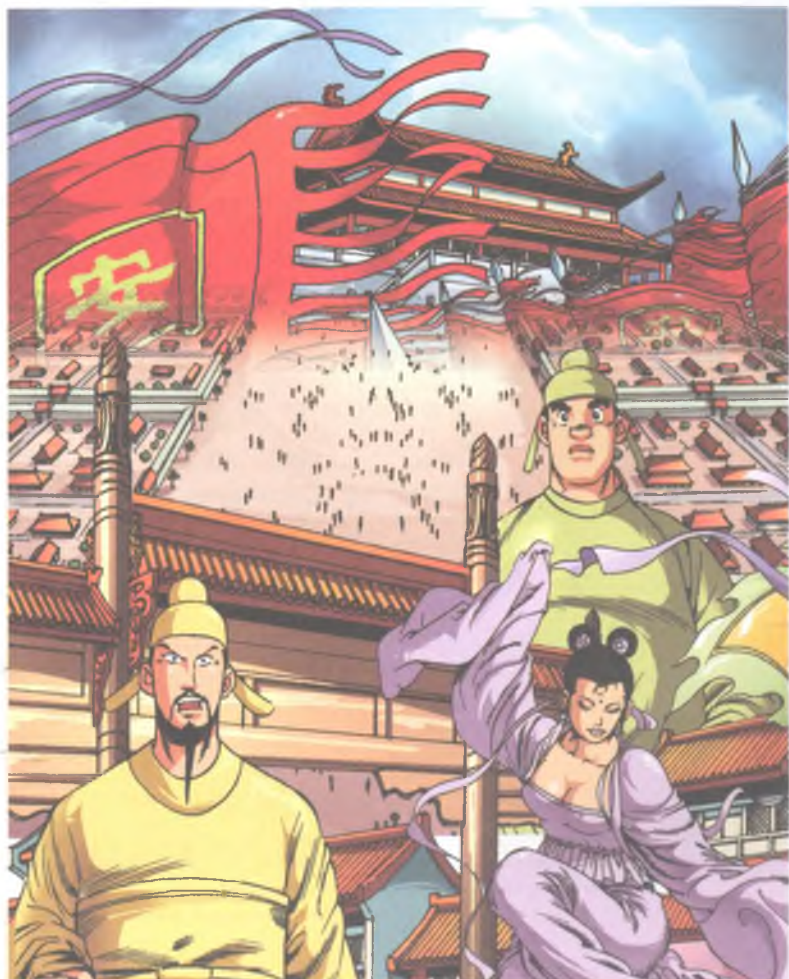
Nội dung chính:

Trường An phồn hoa

Vào thời Đường, thế nước đang lên, văn hóa phát triển rực rỡ, Nhật Bản còn phái sứ thần sang học hỏi.

Loạn An Sử

Những năm cuối thời Huyền Tông, vận nước điều đứng suy tàn, loạn An Sử bùng phát, Dương Quý Phi vốn được yêu thương sung ái cuối cùng cũng ngọc nát hương tàn.



Trường An phồn hoa



VÔ TẮC THIÊN

Nhà Đường trải qua ba đời vua Đường Cao Tổ, Đường Thái Tông, Đường Cao Tông, nỗ lực không ngừng mở rộng lãnh thổ, thiên hạ thái bình, kinh tế phồn vinh, tạo ra một thời đại thái bình thịnh trị chưa từng có trong lịch sử. Nhưng sau khi Đường Cao Tông mất, Võ Tắc Thiên* lên nắm quyền, cục diện chính trị có chút lục đục, rồi rơi vào một thời gian ngắn. Người đời sau gọi bà là người có tài "hiệp bước Trinh Quan, mở lối Khai Nguyên".

Đến hoàng đế thứ sáu của đời Đường nổi ngôi, tức Đường Huyền Tông, chiêu hiền đãi sĩ, trị quốc an bang, mở ra thời Thịnh Đường mà lịch sử gọi là "Khai Nguyên thịnh trị".

**ĐƯỜNG
HUYỀN TÔNG
LÝ LONG CƠ**

BỆ HẠ CHÍNH
SÁCH QUÂN ĐIỂN
CỦA BẮC NGUY
HIỆU VẤN ĐỀ ĐÃ
KHÔNG CÒN HỢP
THỜI NỬA RỒI.

CHÍNH SÁCH
QUÂN ĐIỂN CẦN CẢI
CÁCH, NAY ÁP DỤNG
HÌNH THỨC TRUNG
THU THUẾ "TỶ, DUNG,
ĐIỀU" ĐI.



* Sau khi Đường Cao Tông mất, Võ hậu tự mình lâm triều, rồi xưng đế, đổi quốc hiệu là Chu, trở thành nữ hoàng đế duy nhất của lịch sử Trung Hoa.

THEO CHẾ ĐỘ
QUÂN DIỄN, ĐẤT
RUỘNG CỦA NÔNG
DÂN DO TRIỀU ĐÌNH
CHIA CHO.

KHI
XẤY RA CHIẾN
TRANH, NÔNG
DÂN PHẢI ĐI
LÍNH.

SAU KHI
ĐƯỢC PHÂN RUỘNG,
NÔNG DÂN SẼ CÀY
CÂY, THU HOẠCH
XONG THÌ NỘP MỘT
PHẦN CHO NHÀ
NƯỚC.

TRONG
THỜI GIAN
ĐI LÍNH ĐƯỢC
MIỄN THUẾ TÔ
VÀ ĐIỀU.

MỖI NGƯỜI
NAM TRƯỞNG
THÀNH PHẢI
NỘP HAI BÓ
THỐC LÚA.

MỖI NGƯỜI
NAM TRƯỞNG
THÀNH PHẢI
ĐI PHỤ PHEN
MỖI NĂM 20
NGÀY.

MỖI HỘ CỬ
HẰNG NĂM NỘP
VẢI LÍNH, LÚA VÀ
TỜ TẤM MỖI LOẠI
HAI THUỐC, BA
LANG BÔNG.

TÔ

DUNG

ĐIỀU

TUY CHÍNH
SÁCH "TÔ, DUNG,
ĐIỀU" HAY NHƯNG
QUAN CHỨC ĐIỀU
HÀNH VÀ MỞ RỘNG
NÓ RẤT KHÓ
TÌM.

NHỮNG NGƯỜI
THI HÀNH MỖI
CHÍNH LÀ ĐIỀU
CỐT YẾU CỦA
CẢI CÁCH.

TRẮM
TIN RẰNG CÓ
THỂ TÌM ĐƯỢC
NGƯỜI THÍCH
HỢP.

Năm 717, Đại Đường cực thịnh, Nhật Bản lần thứ tám phái sứ thần tới học hỏi văn hóa tiên bộ của Trung Hoa.



Lần phái sứ thần này có Abe No Nakamaro và đại sứ Kiba Suian...



MAU NHÌN KÌA!



TRƯỚC MẮT LÀ ĐẠI ĐƯỜNG RỒI





TRỜI OI!
ĐÔ THÀNH
PHỒN HOA
QUÁ!

NGAY CẢ
THÀNH NARA
CŨNG KHÔNG
THỂ SÁNH
BẰNG.

KHIỂN ĐƯỜNG SỨ

Từ thời nhà Tùy, Nhật Bản đã nhiều lần phái người tới Trung Hoa thăm viếng.

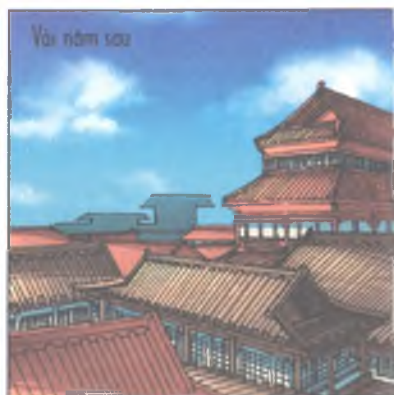
Thời Sơ Đường*, đất nước thịnh trị, văn hóa có nhiều thành tựu, kinh tế phát triển. Năm 630, nhiều thuyền chở sứ đoàn tới học tập và cư trú. Đến năm 890, đã có mười sứ đoàn tới, mỗi đợt từ 200 đến 500 người. Những người tới Trung Hoa, được gọi là Khiển Đường sứ.

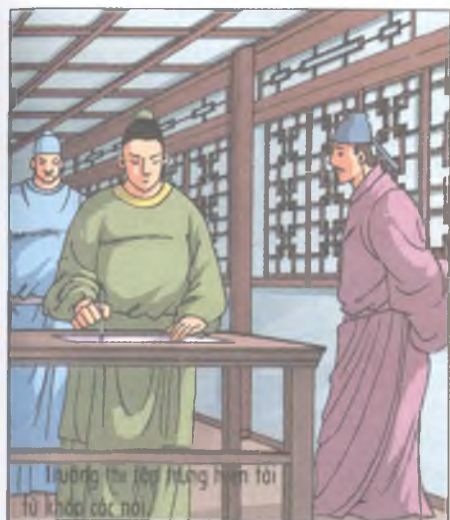


Thuyền Khiển Đường
sứ của Nhật Bản

* Thời kì đầu nhà Đường.







Thường thì tôi không nhìn tới
tử khám các nơi.



KHỔ
QUÁ...



BÂY GIỜ
CÔNG BỐ
NHỮNG NGƯỜI
ĐỒ...

TÔN LẬP
SƠN DƯƠNG
TIỂU VŨ



ABE NO
NAKAMARO



OAI!

THÌ ĐỒ RỒI!



CHÚC MỪNG
HUYNH BẮNG
VÀNG ĐỂ
TÊN.



Huyền Tông đặt tên cho Abe No
Nakamaro là Triều Hành, phong
cho một chức quan trong triều.





Tháng 10 năm 753, bốn con thuyền của
sứ thần xuất phát về Nhật Bản.

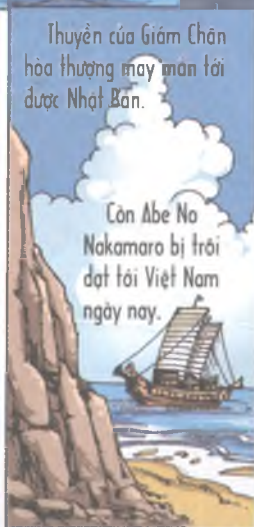


Abe No Nakamaro lên con thuyền đầu tiên, còn nhóm Quan hòa thường
lên con thuyền thứ sáu. Không ngờ trên đường đi gặp sóng to.



Thuyền của Giám Chân
hòa thường may mắn tới
được Nhật Bản.

Còn Abe No
Nakamaro bị trôi
dạt tới Việt Nam
ngày nay.



Sau này Abe No Nakamaro trở
lại Trường An, không quay về
Nhật Bản nữa.



*Thiên chi nguyên
Ngước đầu lên nhìn trời
Trắng vàng việc chơi vui
Không biết Mikasa
Trắng quá ta có sáng?*

* Bài thơ này là do Abe No Nakamaro sáng tác vì tiếc nuối không về được cố hương. Ông dừng ở thành Trường An, ngược lên nhìn trăng sáng, tức cảnh sinh tình nhớ núi Mikasa.



Hoan Ân Sứ



Vài tháng sau khi Abe Na Nakamaro
trở lại Trường An...



LÝ BẠCH
ĐẠI NHÂN! LÝ
BẠCH ĐẠI NHÂN!
NGÀI Ở ĐÂU?



SAO NGÀI
LẠI Ở ĐÂY?

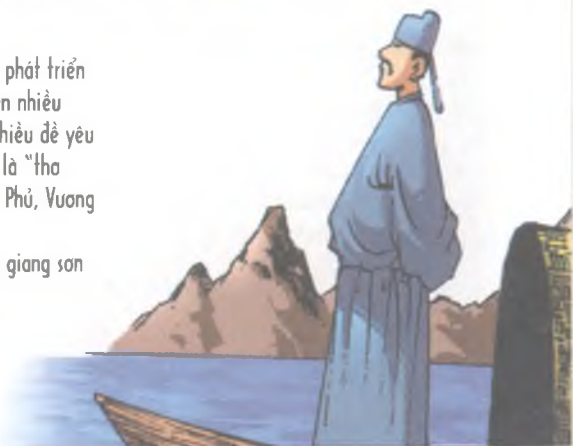
ỒI, ĐẠI NHÂN
ABE NO NAKAMARO
ĐẾN ĐÚNG LÚC
LẮM, CÙNG UỐNG
RƯỢU VỚI TA ĐI!



NHÀ THƠ ĐỜI ĐƯỜNG

Thơ ca Trung Hoa có lịch sử rất lâu đời, nhưng phát triển mạnh nhất là vào thời Đường. Thời này, xuất hiện nhiều nhà thơ nổi tiếng, ngay cả thi khoa cử cũng có nhiều đề yêu cầu viết thơ, vì vậy người ta gọi thơ thời kì này là "thơ Đường". Những nhà thơ tiêu biểu là: Lý Bạch, Đỗ Phủ, Vương Duy và Bạch Cư Dị.

Các nhà thơ thường ngao du sơn thủy, ca tụng giang sơn gấm vóc và thấu hiểu nỗi khổ của nhân dân.





Đường Huyền Tông cuối đời
cũng đem Dương quý phi,
người ngày hôm nay trong
màn mây và cơn gió.

TAM NGUYÊN
LỚN NHẤT CỦA
TRẦM LÀ NGÀY
NÀO CÙNG NHÌN
THẤY NỤ CƯỜI
CỦA NÀNG.

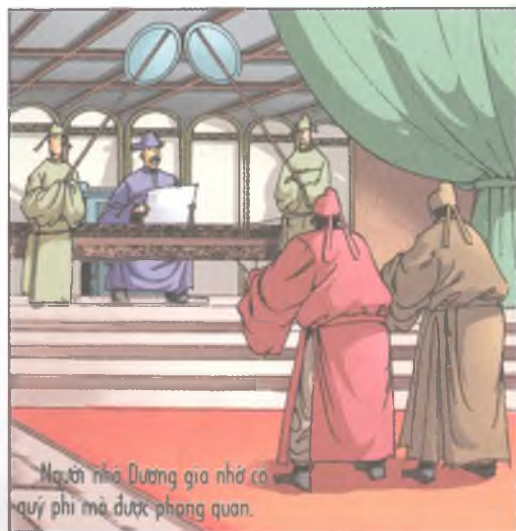


BỆ HA
KHÔNG LO VIỆC
TRIỀU CHÍNH
LIỆU CÓ SAO
KHÔNG?



KHÔNG SAO,
ĐÃ CÓ CÁC
ĐẠI THẦN
RỒI.

NÀNG YÊN
TÂM, TRẦM
SẼ KHÔNG
QUÊN ĐỂ
BẠT NGƯỜI
NHÀ CỦA
NÀNG.



Họ tên nhà Dương gia nhớ có
quý phi mà được phong quan.



ĐƯỜNG
HUYNH** CỦA
QUÝ PHI DƯƠNG
XUYẾN KHÔNG
XỨNG LÂM
QUAN.

NHƯNG
BÂY GIỜ LẠI
ĐAM DƯƠNG
TRỌNG
TRÁCH...

* Tên thật là Dương Ngọc Hoàn.

** Anh họ.



* Giữa thời Đường, những đô đốc trấn thủ biên cương được gọi là tiết độ sứ. Họ nắm trong tay binh quyền, chính quyền và tài chính nên là mối họa cát cứ địa phương.



LÃO XUỘC!
TRẦM Ở ĐÂY
MÀ NGƯỜI
LẠI HÀNH LỄ
VỚI QUÝ PHI
TRƯỚC HẢ?



BỆ HẠ KHÔNG
BIẾT CHÚ TRONG
LỄ NGHĨA CỦA
NGƯỜI HỒ THÌ
MẦU THÂN ĐƯỢC
TÔN TRỌNG HƠN
PHỤ THÂN, NÊN
THẦN MỚI BÀI
KIÊN NƯƠNG
TRƯỚC.



HA
HA
HA!



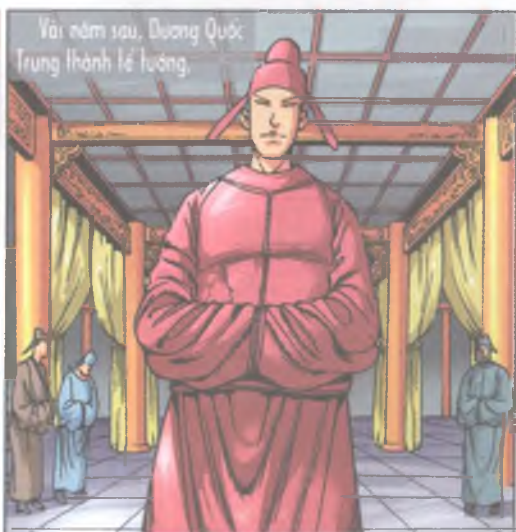
XIN TẶNG
CHO BỆ HẠ
VÀ NƯƠNG
NƯƠNG MỘT
ĐIỆU CA VŨ
CỦA NGƯỜI
HỒ.



HAY
ĐÂY!

HỪM,
TÊN NÀY THẬT
BIẾT LẤY LÒNG
NƯƠNG NƯƠNG
VÀ BỆ HẠ.









Chỉ hơn ba mươi ngày, quân phản loạn đã tấn công vào Lạc Dương, tiến sát tận Trường An.





BỆ HẠ
AN LỘC SƠN
SẮP ĐÁNH
TỚI TRƯỜNG
AN RỒI.



XIN NGƯỜI
HÃY TẠM
THỜI LÃNH
ĐI!

Ồ!

Đường Huyền Tông dẫn theo Dương quý phi
và thân tín chạy khỏi Trường An.



Dương Quốc Trung
và cả gia tộc họ Dương
cùng đi theo.





Trên đường chạy loạn, có rất nhiều lương sĩ thương ngày
bất mãn với hành động tàn bạo tàn ác của nhà họ Dương.



ĐỀU LÀ DO
LỮ NGƯỜI NHÀ
HỌ DƯƠNG
ÂM HẠI ĐẤT
NƯỚC.



CÁC NGƯỜI
DIỄN RỒI SAO?
MUỐN LÀM
GÌ VẬY?



GIẾT
DƯƠNG
QUỐC
TRUNG!

DƯƠNG QUỐC
TRUNG, NGƯỜI
CHẾT ĐI!





NGƯỜI HÃY RA
ĐẸP YÊN DẮM
QUÂN BINH ĐỐI

BỆ HẠ HÃY
THỨ LỖI CHO
THẦN.

VỊ THẦN
HOÀN BẮT
LỤC.

BÂY GIỜ CHỈ CÒN
CÁCH BẮT QUÝ PHI
CHẾT THÌ MỚI ĐẸP
YÊN ĐƯỢC CÒN
CƯỜNG NỢ CỦA
BINH LÍNH.

BỆ HẠ
THIỆP
NGUYỄN
CHẾT.

THẬT LÀ
TIỀN THOAI
LƯƠNG
NAN.

QUÝ PHI NÀO
CÓ TỘI TÌNH GÌ,
NÀNG CHỈ LÀ
NGƯỜI TRĂM
YÊU THƯƠNG
THÔI.

KHẮN
CẦU BỆ
HẠ RA
LỆNH!

Ừm...



Đường Huyền Tông nuốt hận ban cái chết cho Dương quý phi.



TRƯỜNG HẠN CA

"Trường hận ca" là bài thơ tự sự dài viết về tình yêu đầy trắc trở và thương tâm của Đường Huyền Tông và Dương quý phi. Bài thơ có nhiều tình tiết hư cấu, miêu tả nỗi niềm thương nhớ đã diệt của Huyền Tông với quý phi, khiến người đọc phải rơi lệ thổn thức. Trong thơ còn có câu cuối mĩ mai triều đình, khiến người khác phải nghĩ suy. Bài thơ còn có câu trở thành danh ngôn truyền tụng mãi ngàn năm: "Trên trời nguyện làm chim liền cánh, dưới đất nguyện làm hoa liền cành."



Sau khi Dương quý phi qua đời,
Đường Huyền Tông nhường ngôi vàng
cho con trai. Lúc này, Trương An đã bị
An Lộc Sơn chiếm cứ.

TRƯƠNG AN
VÀ THIÊN HẠ
ĐỀU LÀ CỦA
TA. TA CŨNG
MUỐN LÀM
HOÀNG ĐẾ.

GIẾT GIẾT!

PHẢN TẠC
AN LỘC
SƠN, TA SẼ
TIÊU DIỆT
NGƯỜI!

Con trai Huyền Tông nối ngôi ở
Linh Vũ, chính là Đường Túc Tông*.

* Túc Tông đóng quân ở Linh Vũ, chuẩn bị quyết chiến với An Lộc Sơn.



Thấy thành Trường An đổ nát, nhà thơ Đỗ Phủ
cũng đã không kìm nổi lòng mình thở dài tiếc
cho thời Thịnh Đường đã qua...



CHỈ THẤY
NÚI SÔNG
CÒN
NGUYÊN
VẸN.

CHỈ CÓ TỰ
NHIÊN CÒN
GIỮ VẼ CỤ
HỒN XƯA.



ĐẠI
ĐƯỜNG
SUY TÀN
RỒI.

KHÓ MÀ
CÓ THỂ
ĐƯỢC NHƯ
TRƯỚC.



XUÂN VỌNG

Núi sông còn đó, nước nhà đau
Thành xuân hoang vắng, cỏ rợp đầu
Thương cho thời thế, mi ước lệ
Chim kêu da diết, dạ li sầu
Khói lửa chiến chinh nồng ba tháng
Tin nhận quê nhà đáng vạn ngàn
Tóc đầu đã bạc, đầu thua thời
Sợi không còn đủ, để cài trâm.

Đỗ Phủ làm bài thơ này vào năm đầu 756. Bài thơ thể hiện nỗi niềm nhớ thương người thân và cảm khái trước cảnh hoang tàn của Trường An.



QUYẾT THU VỀ
TRƯỜNG AN!

TẤN
CÔNG!

Năm 756, An Lộc Sơn chết,
quân phản loạn suy yếu dần.
Túc Tông nhận cơ hội ấy dẫn
quân tấn công.

CUỐI CÙNG CŨNG
THU LẠI ĐẤT
TRƯỜNG AN. ĐÂY
MỚI LÀ NƠI Ở CỦA
ĐẾ VƯƠNG.

Thống 10 cùng năm,
Trường An và Lạc Dương
đều được thu về.

Sau tám năm ròng rã loạn
An Sứ*, đến năm 763, cuối
cùng cũng dẹp yên.

ĐÂY LÀ
ĐỊA BÀN
CỦA TÔI!

LÀ CỦA
TÔI!

BÂY GIỜ LỆNH
CỦA HOÀNG ĐẾ
KHÔNG CÒN MÂY
NGƯỜI NGHE
NỮA...

Nhưng sau đó tiết độ sứ các địa phương tranh giành lẫn nhau, xã hội lại rối ren.

* Những người cầm đầu cuộc nổi dậy là An Lộc Sơn và tướng Sứ Tư Minh nên được gọi tắt là loạn An Sứ.

Cuối thế kỉ thứ 9, Hoàng Sào lãnh đạo nông dân khởi nghĩa khiến nhà Đường bị hao binh tổn tướng. Nhưng tới đầu thế kỉ thứ 10, cuộc khởi nghĩa vẫn bị tiết độ sứ Chu Toàn Trung trấn áp.

Thời đại rực rỡ của nhà Đường sau khi trải qua 290 năm (từ năm 618 đến năm 907) đã kết thúc.



Thời hưng thịnh và suy vong của nhà Đường

Thời kì Sơ Đường, triều đình thống trị đã rút ra được những bài học từ sự diệt vong của nhà Tùy, nên rất chăm chú triều chính. Về chính trị, nhà Đường vẫn thi hành chế độ tam tỉnh lục bộ và chế độ khoa cử nhà Tùy. Về đời sống kinh tế, nhà Đường thi hành chế độ thuế khóa ruộng đất quân điền và "Tô, Đưng, Điền", mở ra một thời thái bình thịnh trị gọi là "Trình Quan thịnh trị". Sau đó trải qua các đời vua từ Đường Cao Tông và Võ Tắc Thiên tới thời kì đầu của Đường Huyền Tông, thời "Khai Nguyên thịnh trị" của nhà Đường đạt tới tốt đỉnh, nền chính trị ổn định, kinh tế phát triển, văn hóa tiến bộ, cùng với đó là những chính sách anh minh được lòng dân của các bậc quân chủ, trở thành hình mẫu lí tưởng cho các nước lân bang học hỏi, noi gương. Rất nhiều quốc gia đã phái sứ thần sang tận Trường An để học tập, nhờ đó mà sự giao lưu giữa Trung Hoa và các quốc gia khác phát triển lên một giai đoạn mới.

Vào lúc cuối đời, vua Đường Huyền Tông ăn chơi hưởng lạc, mê đắm tửu sắc, sủng ái Đường quý phi, không màng việc nước, chỉ trọng dụng gian thần, để triều đình bại hoại. Cũng vào lúc này, thế lực của tiết độ sứ địa phương phát triển như vũ bão, nhen

nhóm và châm ngòi cho chiến loạn An Sử. Mặc dù cuộc phản loạn sau đó được dẹp yên nhưng vẫn gây ra những tổn thất nặng nề cho nền sản xuất phương Bắc, nhân dân rơi vào cảnh lầm than, đói khổ, cũng hình thành nên cục diện cát cứ các phiên trấn.

Loạn An Sử đánh dấu bước ngoặt tụt dốc của triều đại nhà Đường, từ đó nhà Đường ngày càng đi xuống, chiến tranh liên miên giữa các phiên trấn với triều đình nổ ra liên tiếp, kéo dài cho tới khi nhà Đường diệt vong.

Thời đại Hậu Đường, thế lực hoạn quan cũng bành trướng không kém, bào mòn quyền lực của triều đình và vua. Việc ban bố chính sách, cất cử hay thăng giáng quan lại cũng như việc phế lập hoàng đế đều do hoạn quan nhúng tay sắp đặt. Chính sự chuyên quyền của hoạn quan đã khiến nền chính trị cuối đời Đường đen tối, đẩy triều đại vào cảnh suy tàn. Cuối cùng, một cuộc khởi nghĩa nông dân diễn ra rầm rộ trên nửa lãnh thổ của Trung Hoa như cơn gió quét ngã chế độ nhà Đường mục ruỗng. Năm 907, tiết độ sứ Chu Toàn Trung xưng đế, kết thúc 290 năm nhà Đường thống trị Trung Hoa.

Thời đại "Khai Nguyên thịnh trị" và "Khai Thiên thịnh trị"

Khoảng thời gian Đường Cao Tông Khai Nguyên, tất cả các lĩnh vực như kinh tế, văn hóa đều đạt đến đỉnh cao, dân số tăng. Theo thống kê, dân số đã đạt con số 480 triệu người, thương mại phát triển, giao thông thông suốt và thuận tiện, thành thị tập nập, phồn vinh, đặc biệt là giao lưu buôn bán với nước ngoài được mở rộng, các thương nhân đến từ Ba Tư, Đại Thực (nay là bán đảo Ả Rập)... đều lũ lượt đổ vào Trung Hoa. Đầu đầu cũng thấy cảnh thương nhân nước ngoài tụ họp ở các chợ lớn nơi Trường An, Lạc Dương, Quảng Châu... Dòng người đi lại như mắc cửi, đông đúc với đủ màu da, ngôn ngữ và sắc phục. Đây cũng là thời đại hưng thịnh trên tất cả các lĩnh vực của Trung Hoa.

Năm 741, Đường Huyền Tông cho đổi niên hiệu "Khai Nguyên" thành "Thiên Bảo", tuyên cáo kết thúc thời đại Khai Nguyên, nhưng vẫn chưa đặt dấu chấm hết cho thời đại thịnh trị. Nhà Đường tiếp tục hưng thịnh thêm một vài năm sau đó, nên người ta gọi gộp thời đại đỉnh cao này là "Khai Thiên thịnh trị".

Lãnh thổ thời Đường

Lãnh thổ Trung Hoa thời nhà Đường, phía Đông kéo dài tới An Đông, phía Tây chạy dài tới An Tây, biển Aral Trung Á (nay là ranh giới giữa Kazakhstan và Uzbekistan). Về phía Nam, nhà Đường xâm chiếm và đặt ách đô hộ ở miền Bắc Việt Nam. Phía Bắc cương vực tới Bắc cao nguyên Mông Cổ. Nhà Đường đã chia những vùng đất chiếm giữ được từ các bộ tộc thiểu số hay nước nhỏ lân bang thành sáu đô hộ phủ gồm: An Tây, An Bắc, An Đông, An Nam, Đôn Vu, Bắc Đĩnh, nhằm kiểm soát gắt gao các bộ tộc Đột Quyết, Hồi Hột, Mạt Hạt, Thất Vi, Khiết Đan...

Nhưng khi xảy ra loạn An Sử, do binh sĩ cả những vùng biên ải cũng bị điều động để trấn áp phản loạn cho nên tuyến phòng ngự biên giới mất kiểm soát. Ở Đông Bắc, các nước Tân La mạnh lên, đô hộ phủ An Đông co cụm về Tây Liêu Hà. Cùng lúc đó các tộc Khiết Đan, tộc Hề trở thành mối lo lớn. Phía Tây Nam Thổ Phồn và Nam Chiếu khiến nhà Đường chịu tổn thất nặng nề.

Chính sách mềm dẻo với dân tộc của nhà Đường

Về chính sách đối với dân tộc thiểu số, Đường Thái Tông tuy cử quân sĩ đánh trả và chinh phục Đột Quyết, Đột Đục Hồn, nhưng lại chủ yếu dùng cách vỗ về giữ yên. Nhà Đường có chính sách bình đẳng đối đãi với những tộc thiểu số, không còn coi họ là man di mọi rợ.

Với các bộ tộc thiểu số khác, nhà Đường chủ trương không thay đổi lệ lối sản xuất, chính trị xã hội, ngược lại còn chú ý bảo tồn thể chế của các bộ tộc, tôn trọng tập quán của họ. Ngoài ra, nhà Đường còn xây dựng chế độ hành chính, giao cho các tộc trưởng làm đô đốc hay thích sử, quản hạt chính bộ tộc mình. Nhà Đường ít trưng thu thuế của các bộ tộc thiểu số, ngược lại thường xuyên ban tặng vật phẩm để vỗ về, bình định.

Đường Thái Tông rất có ý thức trong việc làm yên lòng các bộ tộc thiểu số, giúp đỡ họ phát triển sản xuất, còn tin tưởng tộc trưởng các bộ lạc, để bạt và thăng quan cho những người dân tộc thiểu số.

Nhà Đường còn dùng cách “thông hôn” để từng bước phát triển quan hệ hài hòa dân tộc, tăng cường giao lưu văn hóa và kinh tế giữa các dân tộc ở Trung Thổ và các dân tộc vùng biên cương.

Đường Thái Tông khá thành công trong các chính sách vỗ về dân tộc thiểu số, thúc đẩy văn hóa và kinh tế, xây dựng được danh tiếng và tầm ảnh hưởng của nhà Đường.

Năm 630, Đường Thái Tông được các bộ lạc thiểu số tôn làm “Đại Khả Hãn”.

Công chúa Văn Thành

Công chúa Văn Thành (625 – 680) là dòng dõi nhà Đường, từ bé đã thông minh, hiểu học, tài mạo song toàn.

Năm 641, công chúa Văn Thành được đoàn tùy tùng do lễ bộ thượng thư Lý Đạo Tông dẫn đầu, hộ tống vào Tây Tạng, kết hôn với Tùng Tân Cán Bố. Tùng Tân Cán Bố vui mừng khôn kể, đích thân từ Lhasa tới Bá Mai để đón rước, còn xây dựng thành quách và cung điện riêng cho công chúa Văn Thành.

Công chúa Văn Thành mang theo rất nhiều kinh sách, thi thơ, kinh Phật, sách y và sách dạy sản xuất, chế tác... còn mang theo lương thực, hạt giống, và công cụ sản xuất khác. Sau khi vào Tây Tạng, công chúa Văn Thành dạy cách tính lịch pháp, truyền nghề thêu thùa cho phụ nữ, tích cực truyền bá những tinh hoa của dân tộc.

Khi Hoàng Cao Tông còn sống, Văn Thành công chúa đã xin với triều đình phái thợ giỏi tới Tây Tạng dạy nấu rượu, làm giấy mực và nuôi tằm, dệt vải..., có công lớn trong việc phát triển Tây Tạng.

Hiện nay ở Lhasa vẫn có tượng thờ công chúa Văn Thành trong cung điện Potala (cung Bồ Đạt La) và chùa Jokhang (chùa Đại Chiêu), thể hiện sự tri ân và cũng là tưởng nhớ của dân tộc Tạng với sứ giả của tình hữu hảo đoàn kết dân tộc.

Các chuyến thăm viếng giữa nhà Đường với các nước lân bang

Vào lúc nhà Đường thịnh trị, buôn bán thông thương giữa các nước rất phát triển, người nước ngoài đến Trung Hoa làm ăn ngày càng nhiều. Những quốc gia giao lưu buôn bán nhiều nhất là các nước Đông Á như Triều Tiên (chính là bán đảo Triều Tiên gồm Tân La, Bách Tế, Cao Ly), Nhật Bản, các nước Trung Á như Toquz Oghuz của Uzbekistan, các nước Tây Á như Ba Tư, Đại Thực (đế quốc Ả Rập) và đế quốc Byzantine nằm vắt ngang Á Âu, các nước Nam Á ngày nay như Ấn Độ, Pakistan, Bangladesh, Nepal, Bhutan, Sri Lanka, Maldives cùng một vài quốc gia nhỏ khác ở Đông Nam Á. Dân của những quốc gia này thường xuyên lui tới Trung Hoa, họ không chỉ mang theo phong tục tập quán mà còn truyền bá những tôn giáo như Hoá giáo, Mani giáo, Cảnh giáo và Hồi giáo, nhờ đó làm phong phú thêm văn hóa tôn giáo của Trung Hoa.



Hòa thượng Giám Chân

Sau khi Huyền Trang mất tròn 90 năm, hòa thượng Giám Chân Đông du truyền bá đạo Phật của Trung Hoa tới Nhật Bản, trở thành minh chứng cho tình hữu hảo Trung - Nhật.

Giám Chân (687 - 763) tên tục là Thuận Vu, là một tăng nhân thời Đường, nổi danh nhờ truyền bá đạo Phật vào Nhật Bản.

Khi 14 tuổi, Giám Chân đã được vào chùa Đại Văn. Năm 705, ông được thọ giới. Năm 707, Giám Chân tới Lạc Dương, sau đó tới Trường An.

Tôn chỉ nhà Phật của hòa thượng Giám Chân rất sâu xa, những năm cuối đời, tăng nhân Nhật Bản đã mời ông Đông du truyền bá Phật pháp, Giám Chân đồng ý. Trải qua rất nhiều gian khổ, cuối cùng ông cũng tới được Nhật Bản, truyền bá đạo Phật và văn hóa nhà Đường trước khi mất, công lao vô cùng to lớn.

Giao lưu văn hóa Trung - Nhật

Nước Nhật tên gọi cũ là Oa quốc, bắt đầu giao lưu chính thức với Trung Hoa từ thời Hán, tới đời Đường đổi tên thành Nhật Bản.

Giao lưu văn hóa Trung - Nhật đạt được thành tựu rực rỡ vào đời Đường. Từ năm 630 đến năm 838, Nhật Bản chính thức phái sứ thần sang Trung Hoa mười ba lần, lần ít nhất là 250 người, nhiều nhất là 500-600 người, do giao thông không thuận tiện nên nhiều người chết trên đường.

Thời đó, đoàn sứ thần tới nhà Đường rất hoành tráng, ngoài đại sứ, phó sứ, phán quan, lục sự, phiên dịch còn có thầy lang, thầy âm dương, họa sĩ, sử gia, nhạc gia, thợ ngọc, thợ đúc, thợ rèn, thợ sửa thuyền, thủy thủ và tăng nhân, du học sinh... Họ mang tới nhà Đường rất nhiều món lễ vật như trân châu, lụa, hồ phách, ngọc mã não... Nhà Đường cũng gửi tới những hàng thiếu dệt cao cấp, đồ gốm, nhạc cụ, kinh sách văn hóa...

Những du học sinh người Nhật ở lại Trung Hoa trong thời gian dài, họ được phân công tới Trường An để học tập kiến thức và chuyên ngành, kết giao thân tình với các nhà thơ, học giả, có công hiến lớn cho giao lưu văn hóa Trung - Nhật.

Giám Chân nhận lời Đông du

Năm 742, hai tăng nhân Nhật Bản là Phổ Chiêu và Vinh Duệ tới thăm hòa thượng Giám Chân, người am hiểu kinh Phật và giới luật, đồng thời gửi lời mời của thiên hoàng Shomu tới Nhật Bản truyền giáo. Giám Chân vui mừng đồng ý và chuẩn bị lương thực ngay lập tức, định mùa xuân năm sau sẽ tới Nhật Bản, nhưng từ tháng 12 năm 743, ông đã năm lần Đông du mà vẫn không thành công. Trong đó năm 748, trong lần thứ năm xuất dương ông đã phải trả giá rất đắt: Vinh Duệ mất do bệnh nặng, Giám Chân mù cả hai mắt, 36 thành viên cả người Nhật lẫn người Hoa đều lần lượt hi sinh tính mạng, nhưng Giám Chân quyết không bỏ cuộc. Tháng 1 năm 754, Giám Chân khi đó đã 68 tuổi, vẫn dẫn theo hơn 20 người trên một chiếc thuyền gỗ, và cuối cùng cũng tới được Kyushu, Nhật Bản.

Giám Chân nhận được sự hoan nghênh nồng hậu của triều đình Nhật Bản. Sau đó, ông ở lại Nhật Bản gần mười năm, không chỉ thọ giới tại đây, giảng kinh cho rất nhiều người, mà còn mang tới kiến trúc, điêu khắc, bích họa, nhiều loại thuốc lá... có cống hiến quan trọng trong giao lưu văn hóa Trung Nhật.

Thành tựu văn học thời Đường

Thơ ca với đề tài rộng lớn, số lượng nhiều, mang tính nghệ thuật kết tinh đặc sắc là đại diện cho nền văn học đời Đường, nhiều tác phẩm cho đến ngày nay cũng không thể vượt qua. Theo cuốn "Toán Đường thi", đời Đường có hơn 2.300 nhà thơ, đóng góp hơn 48.000 bài thơ. Từ Sơ Đường đến Thịnh Đường là cả một thời đại hoàng kim, tiền thơ Lý Bạch và thánh thơ Đỗ Phủ cũng xuất hiện vào thời gian này, như một ánh hào quang phản chiếu lấp lánh.

Sau loạn An Sử, thơ ca đi vào giai đoạn Trung Đường, dòng thơ ca lạc phủ mới với tác giả tiêu biểu Bạch Cư Dị, phản ánh được nổi cùng cực của nhân dân. Tới cuối nhà Đường, cùng với thế nước suy tàn và xã hội hỗn loạn, phong cách thơ ca thay đổi nhiều, những nhà thơ mang tâm trạng u buồn như Đỗ Mục, Lý Thương Ẩn dần dần xu thế văn đàn.

Ngoài thơ ca, văn nhân thời Đường còn làm lan tỏa văn biến ngẫu và cổ văn. Hàn Du, Liễu Tông Nguyên... phát động phong trào cổ văn, phát huy dòng văn học không cầu nề hình thức thời Tấn Hán, chủ trương thể hiện những nội dung chân thực của cuộc sống, ảnh hưởng tới thể loại tản văn sau này.



Tiên thơ Lý Bạch

Lý Bạch (701 – 762), tự Thái Bạch, hiệu là Thanh Liên cư sĩ, là nhà thơ vĩ đại đời Đường.

Thời tuổi trẻ, Lý Bạch từng đi chu du khắp Trường Giang và Hoàng Hà, cũng từng tới Trường An để cầu đường quan lộ nhưng bất đắc chí. Năm 742, Lý Bạch được Đường Huyền Tông triệu vào Trường An, phong làm Hàn Lâm, nhưng chỉ hai năm sau do không được thỏa nguyện mà từ quan rời khỏi kinh đô. Mặc dù ẩn cư, nhưng Lý Bạch vẫn khao khát lập nên sự nghiệp. Cũng trong thời gian này, các sáng tác của Lý Bạch dần dần trưởng thành.

Sau loạn An Sử, Lý Bạch nhận lời vào trường của Vĩnh Vương Lý Lân, mong có cơ hội tiêu diệt phản loạn, thống nhất giang sơn. Sau đó Vĩnh Vương bị Đường Túc Tông giết chết, ông cũng bị liên lụy nhưng được xá tội. Năm 59 tuổi, ông lưu lạc tới Giang Nam.

Lý Bạch cả đời lo cho xã tắc, bất mãn với thế cuộc đen tối, mong lập công cho đất nước,

nhưng đều không thể đạt được sở nguyện. Những trải nghiệm cuộc đời và tư tưởng của ông được thể hiện rõ trong các tác phẩm, phản ánh nỗi bi ai của kẻ hiền sĩ không chốn dung thân. Ông làm rất nhiều bài thơ, 900 bài vẫn còn được lưu truyền đến ngày nay.

Các tác phẩm thơ của Lý Bạch đa phần theo phong cách lãng mạn, có hơi hướng thần tiên của Đạo giáo, khuyếch trương nghệ thuật đặc sắc, tinh tế, nhờ đó mà ông được người đời gọi là “Tiên thơ”.



Thánh thơ Đỗ Phủ

Đỗ Phủ (712 – 770), tự Tử Mĩ, người đời sau gọi là Đỗ Thiếu Lăng, Đỗ Công Bộ. Ông xuất thân trong một gia đình có truyền thống văn học, là cháu nội của nhà thơ Đỗ Thảm Ngôn. Khi lên 7 tuổi, ông bắt đầu làm thơ, 15 tuổi đã nổi tiếng xa gần.

Từ những năm Khai Nguyên tới sơ niên Thiên Bảo, Đỗ Phủ tự do phiêu lãng, đã từng tới Lạc Dương thi tiến sĩ, nhưng không đỗ. Sau năm 35 tuổi, Đỗ Phủ bị giam lỏng ở Trường An, khổn khổ mọi bề, nhưng vẫn mong mỏi đường quan lộ, song bất đắc chí. Sau mười năm chật vật, ông được phong một chức quan nhỏ.

Sau khi loạn An Sử nổ ra, ông bị quân phản loạn bắt làm tù binh, sau đó chạy thoát khỏi Trường An, tới Phụng Tường, được Đường Túc Tông phong làm Hữu Thiệp Di, sau đó lại bị giáng chức, điều ra khỏi Trường An. Không lâu sau, ông lang bạt ở vùng Tây Nam, cuối đời đưa

gia đình tới Tứ Xuyên, cuối cùng chết bệnh trên một chiếc thuyền giữa dòng sông Tương.

Đỗ Phủ cả đời sáng tác hơn 1.400 bài thơ, phản ánh sâu sắc diện mạo xã hội trước và sau loạn An Sử, kể chuyện sinh động về cuộc đời mình. Ông đã đạt đến sự hoàn mĩ và thống nhất giữa nội dung tư tưởng và hình thức nghệ thuật, là đại diện tiêu biểu cho thành tựu của thơ ca đời Đường, được người đời sau ca tụng là “Thánh thơ”, còn các bài thơ của ông được gọi là “Thánh sử”.



Được Vương Tôn Tư Mạc

Tôn Tư Mạc là người Đông Nguyên, Kinh Triệu, sinh vào thời nhà Tùy (năm 581), mất vào đầu đời Đường (năm 682), hưởng thọ 102 tuổi (có người còn nói ông sống được 141 năm), là thầy thuốc nổi tiếng Trung Hoa và cả thế giới, được tôn làm “Được Vương”.

Năm 7 tuổi, ông đã đọc sách, một ngày cả nghìn câu. Tối năm 20 tuổi, ông đã luận về học thuyết của Lão Tử, Trang Tử, tinh thông các kinh sách của nhà Phật, được gọi là bậc kì tài. Ông nghĩ đường quan lộ không được tự do nên nhiều lần được triều đình phong chức thường lộc song ông đều từ chối. Tùy Văn Đế phong ông làm quốc tử bác sĩ, nhưng ông quyết không nhận.

Khi lên ngôi, Đường Thái Tông triệu Tôn Tư Mạc vào kinh, thấy ông 50 tuổi mà sắc mặt vẫn hồng hào, thân hình khỏe khoắn bèn thốt lên: “Người sống có đạo thật đáng kính trọng.

Hóa ra trên đời có thần tiên như Quảng Thành Tử thật.” Hoàng đế phong cho ông tước hiệu, nhưng ông từ chối.

Cao Tông nối ngôi, mời ông làm giám nghị đại phu, nhưng ông một mực không nghe. Khi Tôn Tư Mạc quay về ở ẩn, Cao Tông đã ban cho ông ngựa quý và cả tư dinh. Ngay cả những nhân sĩ thời đó như Tống Lệnh Văn, Lô Chiêu Lân đều coi ông như sư huynh, thường xuyên lui tới chỗ ông đàm đạo.

Trong cuốn “Thiên Kim Phương”, Tôn Tư Mạc đề cao y đức, đến nay nhiều luận điểm của ông vẫn được đem ra bàn luận. Tôn Tư Mạc là một danh sĩ giỏi y thuật, giàu y đức, đặc biệt là nhân cách người thầy thuốc của ông được người đời sau hết lời truyền tụng.

Nhan cần – Liễu cốt

Nhan Chân Khanh và Liễu Công Quyền là hai nhà thư pháp nổi tiếng đời Đường. Chữ viết của Nhan Chân Khanh đầy đặn, đường bút hùng hực nhuệ khí. Còn chữ viết của Liễu Công Quyền đầy uy lực, rắn rỏi nên người ta mới so sánh là “Nhan cần – Liễu cốt”.

Nhan Chân Khanh, tự là Thanh Thần, người Vạn Niên, Kinh Triệu. Ông từng được nhà thư pháp tiếng tăm lừng lẫy Trương Húc tận tình giảng dạy, còn chịu ảnh hưởng của các nhà thư pháp có danh tiếng khác như Thái Ung, Vương Hi Chi, Vương Hiến Chi, Chữ Toại Lương. Ông hội tụ những tinh hoa của người đi trước, tự xây dựng cho mình một phong cách thư pháp độc đáo, đặc biệt là Khải thư, nét bút dọc phiêu sở đậm, thần bút mạnh mẽ đầy đặn, người ta gọi là chữ “Nhan thể”. Hành thư và Thảo thư của ông hồn hậu, ngang dọc phẩy móc đều đậm đà. Những di bút trên giấy của ông còn đến ngày nay có “Trúc Sơn Đường liên cú thi thiếp”, “Cáo

thần thiếp”, “Hổ Châu thiếp”..., trên bia đá nổi tiếng nhất là “Đa Bảo Tháp bi”, “Đồng phương sóc họa tán bi”, “Ma Cô tiên đàn kí”...

Liễu Công Quyền, tự Thành Huyền, quê Hoa Nguyên, Kinh Triệu, từng làm thị thư học sĩ, trung thư xá nhân, hàn lâm thư chiêu học sĩ, thái tử thái bảo trong Hàn Lâm viện. Liễu Công Quyền thẳng thắn, dám nói lời thực tâm, được vua Đường Văn Tông tán dương và yêu quý.

Liễu Công Quyền từ nhỏ đã hiếu học, năm 12 tuổi viết từ phú, tinh thông kinh sách, hiểu rõ âm luật, đặc biệt giỏi thư pháp. Trong số các nhà Khải thư Ngụy Tấn và Sơ Đường, ông là người có tầm ảnh hưởng sâu rộng nhất, nét bút rắn rỏi, đầy khí phách, kết cấu nghiêm ngặt, thành một phong cách riêng. Những bia chữ có bút tích của ông còn rất nhiều, nổi tiếng là “Huyền Bí tháp bi”, “Kim Cương kinh”, “Thần sách quán bi”, bút tích trên giấy chỉ còn “Tống Lê thiếp để bặt”.



Thánh họa Ngô Đạo Tử

Ngô Đạo Tử (khoảng 685 – 758), là người Dương Cù, Hà Nam, sống vào thời kì cực thịnh của nhà Đường.

Ngô Đạo Tử thuở nhỏ bẩm hàn, ham vẽ tranh, từng học qua thư pháp của Trương Húc, Hạ Tri Chương. Những bức tranh của Ngô Đạo Tử tiêu biểu cho những thành tựu về hội họa cổ đại, được người đời sau suy tôn là "Thánh họa", các thợ vẽ dân gian cũng tôn làm sư tổ.

Giữa những năm Thiên Bảo, Đường Huyền Tông tuần du xuống sông Gia Lăng, đem theo cả Ngô Đạo Tử. Khi về cung, Huyền Tông hỏi ông vẽ được những gì. Ông đáp: "Thần không cần giấy mực, tất cả đều khắc ghi trong tâm khảm." Những tác phẩm đó chính là bích họa

ở cung Đại Đồng, một ngày ông đã đưa bút vẽ phong cảnh hơn 300 dặm của Gia Lăng, đủ thấy sự quan sát tinh tế của ông.

Ngô Đạo Tử không có bút tích lưu truyền hậu thế. Bức tranh "Tổng tử thiên vương đồ" tương truyền là của ông thực chất là bản đời nhà Tống. Nội dung vẽ Phật Thích-ca Mâu-ni chào đời, được cha là Tịnh Phạn Vương và mẹ là hoàng hậu Maya bế đến thần miếu để triều tế, các chư thần vội vàng quỳ sụp vái lạy.

Những bức tranh vẽ đạo Phật của Ngô Đạo Tử sáng tác được gọi là hội họa Ngô Gia, có phong cách nhẹ nhàng phiêu du, ảnh hưởng sâu rộng tới tranh Phật nhà Đường.

Tứ bộ y điển

"Tứ bộ y điển" được danh y dân tộc Tạng là Nguyên Đan Cống Bố biên soạn vào khoảng thế kỉ thứ 8. Các đời đại phu dân tộc Tạng trước đây đều coi nó là cuốn sách gối đầu giường, dần dần phát triển thành cuốn sách công phu như ngày nay.

Bộ sách này là bộ sách kinh điển mà bất cứ người bốc thuốc nào của tộc Tạng cũng không thể thiếu. Bộ sách còn được truyền bá vào khu vực của dân tộc Mông Cổ và được người dân nơi đây dùng làm tài liệu học về thuốc và trên cơ sở đó phát triển thành y học mang màu sắc bản địa Mông Cổ.

"Tứ bộ y điển" miêu tả chân thực và chi tiết từ lí luận tới thực tế lâm sàng, từ nguyên nhân bệnh, bệnh lí tới chẩn đoán, điều trị, từ cây thuốc, được liệu đến bài thuốc, từ vệ sinh giữ gìn sức khỏe tới chăm sóc thai nhi, có những đặc điểm riêng của dân tộc Tạng. Những nội dung như vai trò của các bộ phận cơ thể, đặc biệt là nội tạng, nguyên tắc điều trị, phương pháp và vị trí bắt mạch khá giống Trung y của dân tộc Hán. Từ bộ sách này chúng ta còn có thể nhận thấy y học của dân tộc Tạng chịu ảnh hưởng của y học cổ truyền Ấn Độ.

Gốm Tam Thái đời Đường

Gốm Tam Thái đời Đường là tên gọi chung cho các tác phẩm gốm sứ men ngọc. Tam Thái có nghĩa là nhiều màu sắc, chứ không phải để chỉ gốm có ba màu.

Gốm trắng men đời Đường cực thịnh, các thợ gốm lành nghề dùng nước men trắng ngoài nhiều ôxít kim loại rồi cho nung trong lò gốm với nhiệt độ cao, vì thế bề mặt gốm có nhiều màu sáng bóng, bắt mắt.

Gốm Tam Thái có nước men bóng láng, màu men gồm vàng, xanh, trắng hoặc vàng tươi, xanh lục, xanh lam, vàng đất... Chúng hòa trộn vào nhau làm nên vẻ đẹp của nước men Tam Thái. Gốm Tam Thái đời Đường là sản phẩm mỹ nghệ giàu chất nghệ thuật, tạo hình sống động, màu sắc ưa nhìn, chế tác cầu kì.

NIÊN BIỂU SỰ KIỆN LỊCH SỬ

THỜI GIAN	TRUNG HOA	KHU VỰC KHÁC
25	Lưu Tú (Hán Quang Vũ Đế) lập ra nhà Đông Tấn, định đô ở Lạc Dương.	
33		Jesus bị đóng đinh trên cây thập tự.
117		Đại đế Hadrianus của La Mã tại vị, bản đồ La Mã bành trướng nhất trong lịch sử.
184	Trương Giác phát động khởi nghĩa Khăn Vàng.	
189	Đồng Trác vào Lạc Dương, lập Hiến Đế.	Cao Ly dần vững mạnh.
190	Đồng Trác thiêu trụi Lạc Dương, dời đô về Trường An.	
200	Trận chiến Quan Độ.	
208	Trận Xích Bích, Tào Tháo đại bại.	
216	Tào Tháo xưng là Ngụy Vương.	
219	Lưu Bị ở Hán Trung xưng vương.	
220	Tào Tháo qua đời. Tào Phi phế nhà Hán, lập ra nhà Ngụy.	
221	Lưu Bị xưng đế Thục Hán.	
229	Tôn Quyền xưng đế nước Ngô.	
249		Đế quốc La Mã bức hại tín đồ Cơ Đốc giáo.
263	Ngụy diệt Thục.	
265	Tư Mã Viêm soán ngôi nhà Ngụy, lập ra nhà Tây Tấn.	
280	Tấn Vũ Đế diệt Ngô, thống nhất Trung Hoa.	
316	Nhà Tây Tấn bị diệt, các tộc thiểu số lần lượt cát cứ lập nước.	Đế quốc La Mã thừa nhận Cơ Đốc giáo.
317	Tư Mã Duệ xưng đế ở Kiến Khang, lập ra nhà Đông Tấn.	
320		Đế quốc Gupta của Ấn Độ thành lập.
346	Cổ Khải Chi, Vương Hi Chi làm sống dậy giới văn sĩ, thơ ca.	Nước Bách Tế hưng thịnh.
356	Động Mạc Cao ở Đôn Hoàng động thổ.	Nước Tấn La mạnh lên. Người German bắt đầu cuộc đại di cư (năm 375).



THỜI GIAN	TRUNG HOA	KHU VỰC KHÁC
386	Bắc Ngụy lập quốc.	Hào Thái Vương của Cao Ly làm sống dậy cả bán đảo Triều Tiên.
395		Đế quốc La Mã phân chia thành Đông La Mã và Tây La Mã.
420	Nam triều nhà Tống lập nước, sau đó các nhà Tống, Tề, Lương, Trần thay nhau cai trị phương Nam.	
439	Bắc Ngụy Thái Vũ Đế thống nhất phương Bắc, các triều đại Bắc triều bắt đầu.	
481		Vương quốc Frank giàu mạnh.
485	Phùng thái hậu Bắc Ngụy thi hành chính sách quân điền.	
535	Bắc Ngụy bị chia cắt thành Bắc Tề và Bắc Chu.	
577	Bắc Chu diệt Bắc Tề.	
581	Dương Kiên diệt Bắc Chu, lập ra nhà Tùy.	
583		Đột Quyết chia cắt thành Đông Đột Quyết và Tây Đột Quyết.
589	Tùy Văn Đế (Dương Kiên) diệt nhà Trần, Nam Bắc thống nhất.	
604	Dương Quảng nối ngôi, là Tùy Dạng Đế.	
605	Tuỳ Dạng Đế mở kênh đào Đại Vận Hà.	Vua Ấn Độ Siladitya lập ra đế quốc Harsha.
612	Tùy Dạng Đế lần đầu xuất chinh Cao Ly thất bại.	
618	Lý Uyên lập ra nhà Đường, lên ngôi ở Trường An.	
626	Lý Thế Dân nối ngôi, mở ra thời đại "Trình Quan thịnh trị".	
627	Huyền Trang Tây hành (năm 645 về nước).	
640	Nhà Đường diệt Cao Xương, lập ra đô hộ phủ An Tây.	
658	Thần chinh Cao Ly (đến năm 661).	
668	Nhà Đường diệt Cao Ly.	Tân La thống nhất bán đảo Triều Tiên.
690	Võ hậu xưng đế, quốc hiệu nhà Chu.	
712	Huyền Tông kế vị, mở ra thời đại "Khai Nguyên thịnh trị".	
717	Abe No Nakamaro du học Trung Hoa.	
751	An Lộc Sơn nhậm chức tiết độ sứ của Bình Lỗ, Phạm Dương và Hà Đông.	Nhà Abbas của Ả Rập được thành lập.
755	Loạn An Sử, nhà Đường suy yếu.	
875	Khởi nghĩa Hoàng Sào.	
907	Chu Toàn Trung soạn ngôi nhà Đường, lập ra nhà Hậu Lương.	